TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Số: 54 /TB-CN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 04 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Đồng kính gởi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (061) 3843 316 Fax: (061) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người được ủy quyền CBTT: **LÊ DUY DIỆP**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

☒ Địnhkỳ ☐ 24h ☐ 72h ☐ Theo yêu cầu ☐ Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai *(văn bản đính kèm)* như sau:

- Chương trình Đại hội.
- Quy chế làm việc của Đại hội
- Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
- Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc năm 2015.
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015.
- Kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.
- Báo cáo tài chính năm 2015.
- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Quyết định số 135/QĐ-PTKCN-HĐQT ngày 31/03/2016 của Tổng Công ty Phát triển KCN v/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Tờ trình việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.
- Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.
- Báo cáo việc giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom và xin chủ trương niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

CÔNG TY C PHN CP NC NG NAI

Digitally signed by CÔNG TY C PHN CP NC NG NAI
Date: 2016.04.01 18:12:27 +07:00

- Tờ trình về mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2016.
- Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.
- Tờ trình việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty *(đính kèm phụ lục).*
- Toàn văn dự thảo Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Phiếu biểu quyết.
- Các mẫu biểu:

  + Đơn xin ứng cử tham gia Ban kiểm soát.

  + Đơn đề cử ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát *(Dành cho cổ đông cá nhân hoặc tổ chức).*

  + Đơn đề cử ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát *(Dành cho nhóm cổ đông).*

  + Sơ yếu lý lịch.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01/04/2016 tại đường dẫn http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân

Người được ủy quyền
công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Lê Duy Diệp

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
----------oOo----------

DỰ THẢO

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Đồng Nai, tháng 04/2016

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa điểm: Số 48 - Đường Cách mạng tháng 8 – P.Quyết Thắng - TP Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai

Thời gian	Nội dung
07h30 - 08h00	Đón tiếp đại biểu, cổ đông. Kiểm tra thủ tục, phát tài liệu Đại hội.
08h00 - 08h30	Chào cờ.
	Tuyên bố lý do tổ chức Đại hội và Giới thiệu đại biểu, thành phần tham dự.
	Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
	- Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội. - Chủ tọa chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội và 02 người làm Thư ký Đại hội. - Thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm phiếu. - Thông qua Chương trình Đại hội.
08h30 - 08h45	Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015.
08h45 - 09h00	Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc năm 2015.
09h00 - 09h10	Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015.
09h10 - 09h20	Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.
09h20 - 09h30	Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015.
09h30 - 09h45	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
09h45 - 10h15	Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ (2015 – 2020) - *Công bố Quyết định số 135/QĐ-PTKCN-HĐQT ngày 31/03/2016 của Tổng Công ty Phát triển KCN v/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.* - *Thông qua Tờ trình việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.* - *Thông qua Quy chế bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.* - *Hướng dẫn ghi phiếu và bỏ phiếu bầu cử.* - *Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông thực hiện bỏ phiếu vào thùng phiếu.*
10h15 – 10h25	Nghỉ giải lao.
10h25 - 10h35	Báo cáo việc giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom và xin chủ trương niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.
10h35 - 10h45	Thông qua Tờ trình kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016.

10h45 - 10h55	Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.
10h55 – 11h00	Công bố kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
11h00 - 11h15	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.
11h15 - 11h25	Thông qua Biên bản Đại hội.
11h25 - 11h35	Thông qua Nghị Quyết Đại hội.
11h35 - 11h40	Bế mạc Đại hội.

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 04 năm 2016

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.

1. Điều kiện tham dự Đại hội.

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 15/03/2016 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHĐCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết và 01 Phiếu bầu cử. Trong đó:

- ***Thẻ biểu quyết màu hồng*** (Ghi: Mã số cổ đông; Số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và/hoặc được ủy quyền))
- ***Phiếu biểu quyết*** (Ghi nội dung các vấn đề cần biểu quyết thông qua hình thức đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến)).
- ***Phiếu bầu cử màu xanh để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.***

c) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. **Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.**

d) Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lắp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban Thư ký.

e) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp.

f) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

g) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

Điều 5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.
2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận.

c) Trình dự thảo về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu hoặc chỉ định người trả lời.

Điều 6. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội đồng cổ đông do Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đề cử và thành lập. Ban thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội có trách nhiệm: kiểm tra tư cách của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với Danh sách cổ đông có quyền dự họp đã chốt đến ngày 15/03/2016; Phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách cổ đông dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban Thư ký Đại hội.

1. Ban Thư ký Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.
2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa, bao gồm:

a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung tại Đại hội.

b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.

c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban bầu cử và kiểm phiếu.

1. Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm 03 người, được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội. Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử và thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

a) Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội;

b) Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký;

c) Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế và thể lệ bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu.

d) Hướng dẫn các cổ đông thực hiện bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế bầu cử và thể lệ bầu cử.

e) Tiến hành thu phiếu, kiểm phiếu và báo cáo kết quả bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trước Đại hội.

CHƯƠNG III
TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày **15/03/2016**.

Điều 10. Thể lệ biểu quyết, cách thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội.

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội bằng **Thẻ biểu quyết** theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

2. Thể lệ biểu quyết:

a) Cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Phiếu biểu quyết.

b) Ban Kiểm phiếu sẽ trực tiếp đếm số thẻ "tán thành", sau đó đếm số thẻ "không tán thành" và cuối cùng đếm số thẻ "không có ý kiến" để tổng hợp kết quả biểu quyết.

c) Ban Kiểm phiếu sẽ thu hồi toàn bộ Phiếu biểu quyết để tiến hành kiểm phiếu biểu quyết. Trưởng Ban Kiểm phiếu sẽ tổng hợp và báo cho Ban Thư ký ghi vào Biên bản kết quả biểu quyết cho từng nội dung được biểu quyết để công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

3. Cách thức biểu quyết: Các nội dung biểu quyết trong chương trình Đại hội thực hiện theo quyết định của Chủ tọa với hình thức phù hợp với diễn biến Đại hội, cụ thể:

a) Biểu quyết bằng cách ghi trên **Phiếu biểu quyết**: các nội dung chi tiết được ghi trên Phiếu biểu quyết. Các cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng (Tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

b) Biểu quyết bằng cách giơ **Thẻ biểu quyết**: Một số vấn đề khác cổ đông thực hiện giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến, cụ thể như:

- Thông qua thành phần Ban bầu cử và kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội;
- Và các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

Điều 11. Việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử do Hội đồng quản trị ban hành và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 12. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong chương trình Đại hội được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp tán thành.

Điều 13. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Điều 14. Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội cổ đông không thành.

1. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần một. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Nếu Đại hội cổ đông thường niên công ty cổ phần lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Quy chế này gồm 4 Chương và 15 Điều do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600259296 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/BC-HĐQT	*Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016*

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014;

- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015, như sau:

I- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY:

1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai
2. Tên viết tắt: DOWACO
3. Mã chứng khoán: DNW
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 48 – đường Cách Mạng Tháng Tám - phường Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.
5. Điện thoại : (84) 061 3843316 Fax: (84) 061 3847149
6. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh nước sạch, xây dựng lắp đặt hệ thống cấp nước, kinh doanh dịch vụ ngành nước và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng *(Một ngàn tỷ đồng),* số lượng cổ phần 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó:

- Vốn nhà nước: 639.891.000.000 đồng *(Sáu trăm ba mươi chín tỷ tám trăm chín mươi mốt triệu đồng*) chiếm tỉ lệ 63,99 %
- Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 360.109.000.000 đồng (*Ba trăm sáu mươi tỷ một trăm lẻ chín triệu đồng)* chiếm tỉ lệ 36,01 %

8. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai hoạt động theo Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty. Tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành là gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

II- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2015:

1/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần cấp nước trong năm 2015 bao gồm có 07 (bảy) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 4.900 CP (0,0049%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 16.989.100 CP (16,99%)
2	Phan Hùng	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 35.200 CP (0,0352%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 15.000.000 CP (15%)
3	Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 5.500 CP (0,0055%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 10.000.000 CP (10%)
4	Nguyễn Văn Bính	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 35.700 CP (0,036%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 10.000.000 CP (10%)
5	Nguyễn Xuân Thỉnh	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 5.200 CP (0,0052%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 10.000.000 CP (10%)
6	Nguyễn Văn Thiền	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0CP - Đại diện cho Cty TNHH MTV CTN Môi trường Bình Dương và Cty CP nước Thủ Dầu Một: 24.350.000 CP (24,35%)
7	Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0CP

(Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt đến ngày 15/03/2016)

2/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

a/ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thực hiện 10 (mười) cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban

Kiểm soát với tư cách quan sát viên. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%
2	Phan Hùng	Thành viên HĐQT	10/10	100%
3	Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT	10/10	100%
4	Nguyễn Văn Bính	Thành viên HĐQT	10/10	100%
5	Nguyễn Xuân Thỉnh	Thành viên HĐQT	10/10	100%
6	Nguyễn Văn Thiền	Thành viên HĐQT	10/10	100%
7	Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	10/10	100%

b/ Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2015, HĐQT đã ban hành 75 Nghị quyết, Quyết định về những vấn đề: Ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty; Qui chế làm việc, Quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; bổ nhiệm, miễn nhiệm một số nhân sự; thông qua hồ sơ đăng ký phát hành, đăng ký niêm yết cổ phiếu…, định hướng về chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, như sau:

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/QĐ-HĐQT	29/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
2	02/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
3	03/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
4	04/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
5	05/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Phó Giám đốc C.ty CP cấp nước ĐN
6	06/QĐ-HĐQT	31/12/2014	QĐ V/v Bổ nhiệm Kế toán trưởng C.ty CP cấp nước ĐN
7	07/QĐ-HĐQT	12/01/2015	QĐ chấp thuận cho CNV XNN Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Hàn Quốc
8	08/NQ-HĐQT	28/01/2015	NQ-HĐQT căn cứ theo BB họp số 01/BB-HĐQT ngày 28/01/2015 thông qua các nội dung sau: -Thực hiện in ấn, phát hành Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần - Thực hiện công tác lên sàn Upcom và lên sàn chứng khoán Tp.HCM - Lập bản quy chế quản trị nội bộ Công ty và quy chế tài chính công ty - Thành lập các chi nhánh trực thuộc Công ty -Thành lập phòng quản lý hệ thống

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Nâng cấp phòng Kiểm nghiệm thành phòng Quản lý chất lượng nước - Thành lập Tổ thư ký HĐQT -Thực hiện công tác chống thất thoát nước - Thông qua triển khai đầu tư dự án xây dựng Văn phòng công ty - Về tiền lương Chủ tịch HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng
9	09/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh Quản lý ghi thu trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
10	10/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Tân Định trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
11	11/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Thiện Tân trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
12	12/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
13	13/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
14	14/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Vĩnh An trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
15	15/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Long Bình trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
16	16/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh cấp nước Biên Hòa trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
17	17/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai trực thuộc Công ty CP cấp nước ĐN
18	18/QĐ-HĐQT	02/02/2015	QĐ V/v thành lập Tổ thư ký HĐQT
19	19/NQ-HĐQT	04/02/2015	Nghị quyết HĐQT Công ty thông qua các nội dung sau: - Thông qua đăng ký 100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phiếu của Công ty CP cấp nước Đồng Nai tại TT lưu ký chứng khoán VN theo nghĩa vụ của Công ty Đại chúng và thực hiện đăng ký giao dịch sàn chứng khoán trên sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
20	20/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc P. TCHC
21	21/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc P. TCKT
22	22/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc P. KHKT
23	23/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Ban Chuyên viên
24	24/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Ban Kiểm toán
25	25/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Ban bảo vệ
26	26/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Đội QLBTSC
27	27/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế làm việc Đội xe
28	28/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế Quản lý, sử dụng xe ôtô và canô

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
29	29/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế công tác văn thư lưu trữ, quản lý và sử dụng con dấu Công ty
30	30/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai
31	31/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Biên Hòa
32	32/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Long Bình
33	33/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Thiện Tân
34	34/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch
35	35/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Xuân Lộc
36	36/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Tân Định
37	37/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Vĩnh An
38	38/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Quản lý ghi thu
39	39/QĐ-HĐQT	09/02/2015	QĐ Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Khách sạn Công Đoàn
40	40/QĐ-HĐQT	12/02/2015	QĐ V/v Thành lập Phòng Quản lý chất lượng nước Công ty CP cấp nước Đồng Nai
41	41/QĐ-HĐQT	12/02/2015	QĐ V/v Ban hành quy chế làm việc Phòng Quản lý chất lượng nước
42	42/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng
43	43/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v Ban hành quy chế tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng
44	44/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật, đầu tư
45	45/QĐ-HĐQT	02/03/2015	QĐ V/v Thành lập Ban Phòng, chống tham nhũng thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
46	46/QĐ-HĐQT	05/03/2015	QĐ V/v ban hành quy chế quản trị của Công ty CP cấp nước Đồng Nai
47	47/QĐ-HĐQT	13/03/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CB chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai đi tham quan , du lịch tại các nước Châu Âu
48	48/QĐ-HĐQT	24/03/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CNV chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Ý và Đức
49	49/QĐ-HĐQT	24/03/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CNV chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Singapore
50	50/QĐ-HĐQT	20/03/2015	QĐ V/v thành lập phòng Quản lý hệ thống trực thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai
51	51/QĐ-HĐQT	20/03/2015	QĐ Thành lập chi nhánh cấp nước Long Thành

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
52	52/QĐ-HĐQT	26/03/2015	QĐ V/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của công ty cổ phần cấp nước Đống Nai tại công ty CPCN Nhơn Trạch
53	53/QĐ-HĐQT	26/03/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho CB chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan, du lịch tại Nhật Bản
54	54/QĐ-HĐQT	26/03/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho CNV chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan tại Pháp
55	55/QĐ-HĐQT	09/4/2015	QĐ V/v Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh cấp nước Long Thành
56	56/QĐ-HĐQT	24/4/2015	QĐ V/v chấp thuận cho CB chi nhánh cấp nước Long Bình đi thăm thân nhân tại NewZeland
57	57/QĐ-HĐQT	04/5/2014	QĐ thành lập đoàn kiểm tra hoạt động SXKD tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
58	58/QĐ-HĐQT	27/4/2015	NQ V/v Thông qua việc chốt lại danh sách cổ đông để làm thủ tục đăng ký lưu ký cổ phiếu Công ty
59	59/NQ-HĐQT	15/5/2015	NQ V/v ủy quyền cho Giám đốc Công ty CP cấp nước Đồng Nai được ủy quyền ký kết hợp đồng gói thầu số 1 – xây lắp và cung cấp thiết bị có giá trị (32.327.843 USD) dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn II – Công suất 100.000 m3/ngày
60	60/NQ-HĐQT	15/5/2015	NQ V/v: 1) Triển Khai chương trình chống thất thoát nước. 2) Triển khai tiếp tục Dự án HTCN Gia Tân. 3) Tiếp tục triển khai Dự án HTCN Hồ Cầu Mới. 4)Thực hiện phương án quảng cáo cho thuê KS Công Đoàn.
61	61/QĐ-HĐQT	18/5/2015	QĐ V/v Ban hành Quy chế làm việc của Phòng Quản lý hệ thống
62	62/QĐ-HĐQT	02/6/2015	QĐ V/v Thành lập Ban tổ chức Lễ Khởi Công xây dựng HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2)
63	63/QĐ-HĐQT	10/6/2015	QĐ V/v thành lập ban chỉ đạo tổng điều tra lực lượng dân quân tự vệ Công ty năm 2015
64	64/QĐ-HĐQT	15/6/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho cán bộ Chi nhánh cấp nước Long Bình đi tham quan du lịch tại Campuchia
65	65/QĐ-HĐQT	01/7/2015	QĐ V/v Chấp thuận cho CB.CNV Chi nhánh cấp nước Biên Hòa đi tham quan du lịch tại Campuchia
66	66/QĐ-HĐQT	22/7/2015	QĐ V/v Chế độ hưu trí Phó Giám đốc Công ty (Bà Mai Ngọc Thu)
67	67/QĐ-HĐQT	08/9/2015	QĐ V/v xếp mức lương để đóng bảo hiểm đối với Cán bộ lãnh đạo Công ty
68	67/NQ-HĐQT	16/9/2015	NQ V/v Ban hành cơ chế về Quản lý dự án đầu tư xây dựng
69	68/QĐ-HĐQT	18/9/2015	QĐ V/v nâng bậc lương cho CB.CNV năm 2015
70	69/QĐ-HĐQT	07/10/2015	QĐ chấp thuận cho CB.CNVC (Ông Lê Trung Kiên) Chi

STT	Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			nhánh cấp nước Long Bình đi tham quan du lịch tại Nhật Bản
71	71/NQ-HĐQT	23/10/2015	NQ HĐQT V/v chuyển nhượng 36% vốn của Công ty đầu tư vào Công ty CPCN Hồ Cầu Mới
72	72/QĐ-HĐQT	12/11/2015	QĐ HĐQT V/v chấm dứt làm người đại diện vốn Nhà nước của Công ty tại công ty CPCN Hồ Cầu Mới
73	73/QĐ-HĐQT	01/12/2015	QĐ V/v chấp thuận cho cán bộ Đội xe đi tham quan du lịch tại Singapore
74	74/QĐ-HĐQT	23/12/2015	QĐ V/v Công nhận các tập thể và cá nhân các Công ty cổ phần trực thuộc Công ty " Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" năm 2015
75	75/QĐ-HĐQT	28/12/2015	QĐ V/v thành lập Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

c/ Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng Quản trị:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ được một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và ban hành các nghị quyết, quyết định.

- Trong năm 2015, HĐQT đã ban hành 75 Nghị quyết, Quyết định về những vấn đề: Ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty; Qui chế làm việc, Quy chế tổ chức và hoạt động của các phòng ban, chi nhánh, đơn vị trực thuộc; bổ nhiệm, miễn nhiệm một số nhân sự; thông qua hồ sơ đăng ký phát hành, đăng ký niêm yết cổ phiếu…, định hướng về chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Triển khai thực hiện Quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng để hoàn thiện công tác quản trị công ty. Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của công ty. Nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân bổ nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

d/ Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc Công ty:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động. Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 đề ra.

- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Hàng quý, Giám đốc Công ty lập báo cáo các chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị; đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc Công ty.

- Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

III- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2015:

1/ Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	So với kế hoạch (%)
I	**Tổng doanh thu**	**653.450**	**724.438**	**111,0**
	- Sản xuất nước	626.450	675.080	107,8
	- Xây lắp	18.000	37.293	207,1
	- Hoạt động khác	9.000	12.065	143,1
II	**Tổng chi phí**	**569.450**	**637.390**	**111,9**
III	**Lợi nhuận trước thuế**	**84.000**	**87.048**	**103,6**
	- Lãi từ sản xuất kinh doanh	75.000	78.631	104,8
	- Lãi từ đầu tư qua các năm	9.000	8.417	93,5
IV	**Nộp thuế TNDN**	**16.500**	**17.335**	**105**
V	**Lợi nhuận sau thuế**	**67.500**	**69.741**	**103,3**
1	Lợi nhuận SXKD sau thuế	67.500	69.538	103

Stt	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	So với kế hoạch (%)
2	Chênh lệch tỷ giá thực hiện		203	
3	Trích quỹ:	16.875	17.784	
a	Quỹ đầu tư phát triển (15%)	10.125	10.461	103,3
b	Quỹ khen thưởng - phúc lợi (10,5%)	6.750	7.323	108,4
	- Quỹ khen thưởng CB.CNV (5%)		*3.487*	
	- Quỹ phúc lợi CB.CNV (4%)		*2.790*	
	- Quỹ khen thưởng ban điều hành (0,5%)		*349*	
	- Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng (1%) (*)		*697*	
4	Lợi nhuận chia cổ tức	50.625	50.000	99
5	Tỷ lệ chia cổ tức	5 %	5%	
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau		1.957	
VI	**Phát sinh nộp ngân sách**	**40.000**	**49.751**	**124,4**
VII	**Đầu tư xây dựng cơ bản**	**422.632**	**179.483**	**42,5**
	HTCN Thiện Tân(giai đoạn 2) - CS 100.000 m^3/ngày	379.632	178.666	47
	HTCN huyện Vĩnh Cửu - CS 15.000 m^3/ngày	43.000	817	0,02
VIII	**Tổng quỹ lương**	**100.232**	**114.983**	**114,7**
IX	**Lao động (bình quân)**	**883**	**908**	**102,8**
X	**Thu nhập bình quân**	**9,4**	**9,7**	**103**
XI	**Tổng vốn điều lệ**	**1.000.000**	**1.000.000**	**100**
XII	**Tổng vốn kinh doanh**	**1.000.625**	**1.000.000**	**100**
XIII	**Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ**	**8,4%**	**8,7%**	**103,6**

(*) 50% mức trích Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng dùng để chi theo các chương trình chung của Tổng Công ty.

Doanh thu thuần năm 2015 đạt 111% so với kế hoạch. Năm 2015, lợi nhuận trước thuế đạt 103,6% so với kế hoạch. Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung cấp nước phát triển tốt.

2/ Một số đặc điểm nổi bật tác động đến sản xuất kinh doanh của Công ty:

Năm 2015 là năm đánh dấu cột mốc quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển của Công ty khi hoàn thành quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/01/2015. Sự tham gia đóng góp ý kiến của các nhà đầu tư, các cổ đông lớn trong việc cải cách thủ tục hành chính, chống thất thoát nước… là nguồn động viên lớn cho toàn thể Ban lãnh đạo và CB.CNV Công ty, cho thấy tâm huyết và mong muốn gắn bó vì lợi ích lâu dài với Công ty. Hơn thế, việc đa số cán bộ công nhân viên Công ty đầu được mua cổ phần và trở thành cổ đông của Công ty, sự phát triển của Công ty gắn liền với lợi ích cá nhân mỗi nhà đầu tư nên càng giúp trách nhiệm của mỗi cá nhân được nâng cao rõ rệt.

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như Tổng công ty Phát triển KCN đã tạo

thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty. Sự quyết tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ của Ban lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV Công ty là đóng góp rất to lớn trong việc thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các mặt hoạt động khác của Công ty trong năm 2015.

Trong năm, Ban lãnh đạo theo sát công tác quản lý các mặt hoạt động của Công ty. Ngoài các công tác thường nhật, trong năm Công ty đã thực hiện được các dự án đầu tư, đấu thầu lớn, mở rộng xây dựng các hệ thống cấp nước (Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2), hoàn thành các hạng mục đầu tư, cải tạo và thay thế các tuyến ống STK cũ để thực hiện việc phân vùng, tách mạng phục vụ nhằm giảm việc thất thoát nước. Công ty chú trọng hơn trong việc ban hành và thực hiện có hiệu quả quy trình lắp đặt hệ thống cấp nước cho khách hàng, công tác ghi thu, Bảo dưỡng bảo trì sửa chữa tuyến ống cấp nước.

Tuy nhiên, trong năm Công ty vẫn còn vướng phải các vấn đề khó khăn nhất định. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước gặp rất nhiều khó khăn, thời gian kéo dài.

Áp lực về chỉ tiêu trả cổ tức bắt buộc Công ty phải thực hiện chính sách quản trị doanh nghiệp thật tốt, tính toán và thực hiện giảm tối đa chi phí để tăng lợi nhuận. Nhưng bên cạnh đó vẫn phải đảm bảo nguồn trích KHCB để trả nợ gốc vốn vay, đảm bảo tiền lương cho người lao động và trả lãi vay Ngân hàng.

Nguồn vốn để thực hiện các dự án phát triển mạng trước đây chủ yếu là nguồn vốn Ngân sách. Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ phải tiếp tục thực hiện bằng các nguồn vốn vay tín dụng nên đòi hỏi Công ty phải cân đối, phân kỳ đầu tư, ưu tiên các dự án thực hiện trước nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của nhân dân và hiệu quả kinh tế.

Tình hình giá cả các mặt hàng: Hóa chất, nhiên liệu và điện năng có chiều hướng tăng làm cho chi phí sản xuất tăng (giá điện bắt đầu tăng từ tháng 3/2015).

Tỷ lệ thất thoát sau khi lắp đặt đồng hồ điện từ và biến tần đã giảm rất nhiều so với những tháng trước và so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên tỷ lệ vẫn còn cao so với Công ty cấp nước Bình Dương và Công ty cấp nước Bà Rịa - Vũng Tàu. Đây là nội dung đã được đặt ra để tiếp tục phấn đấu trong năm 2016 và năm 2017.

3/ Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

Thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2015, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong năm 2015, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo hàng quý. Từ đó, Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty một cách sớm nhất.

4/ Về công tác quản trị tài chính:

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm sót chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật... Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

IV- KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2016:

Phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ sản xuất - kinh doanh, phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2016. Thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng trong đơn vị, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn nguồn nước cung cấp và một số nội dung cần tập trung chỉ đạo như sau:

- Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt công tác chống thất thoát nước: Thay thế, cải tạo các hệ thống đường ống cấp nước và đồng hồ cũ; thay thế các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện từ (D≥50) của khách hàng theo kế hoạch. Thực hiện lắp biến tần tại các Chi nhánh cấp nước còn lại nhằm giảm chi phí điện năng tiêu thụ và trên cơ sở đó góp phần giảm thất thoát nước.

- Phối hợp tốt với nhà thầu và đơn vị thi công thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các gói thầu của Dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn 2; Triển khai các bước tiếp theo của Dự án HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 2; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay ưu đãi lãi suất theo chủ trương của Tỉnh. Thực hiện các bước để triển khai các dự án cấp nước.

- Phối hợp với các Sở, ban ngành, chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết các trường hợp tái lấn chiếm đất của tuyến ống cấp nước; Quyết toán chi phí bồi thường; lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư; điều chỉnh tổng mức vốn đầu tư; kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư; thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư của dự án Nhơn Trạch 1.

- Tiếp tục triển khai các thủ tục đầu tư dự án Nhà văn phòng làm việc Công ty, nhà làm việc Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch.

- Tăng cường công tác phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn Huyện Long Thành và các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân. Thực hiện một số giải pháp theo chỉ đạo của UBND tỉnh Đồng Nai và của Tổng Công ty Sonadezi.

- Tăng cường đưa nguồn nước của Công ty vào hệ thống cấp nước hiện hữu của Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.

- Thực hiện quyết toán các công trình đầu tư XDCB, giải ngân theo tiến độ thi công, thanh toán các khoản nợ vay, lãi vay theo quy định.

- Tiếp tục chiến lược phát triển nguồn nhân lực, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ phù hợp với quy mô hoạt động của Công ty.

- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.

- Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện công tác quản lý sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí và nâng cao hiệu quả làm việc.

Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai năm 2015.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO
V/v Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai năm 2015

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Thực hiện điều lệ Công ty. Ban kiểm soát xin được báo cáo hoạt động kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty trong năm 2015. Cụ thể như sau:

Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông bầu cử gồm 3 thành viên:

- Ông: Nguyễn Tấn Dũng Trưởng Ban
- Bà: Phạm Thị Hồng Thành viên
- Bà: Tăng Tố Vân Thành viên

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai theo các nội dung sau đây:

1. Kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh;
2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015;
3. Đánh giá việc quản lý điều hành của HĐQT và Ban giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .

I- KẾT QUẢ KIỂM TRA, KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1/ Xác nhận kết quả hoạt động SXKD năm 2015

Số TT	Các chi tiết	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so Kế hoạch
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	653.450	724.438	111,00%
a	Sản xuất nước	Triệu đồng	626.450	675.080	107,80%
b	Xây lắp	Triệu đồng	18.000	37.293	207,20%
c	Doanh thu hoạt động tài chính(Không bao gồm chênh lệch tỷ giá)	Triệu đồng	9.000	12.065	143,10%

Số TT	Các chi tiết	ĐVT	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ % so Kế hoạch
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	569.450	637.390	112,00%
a	- Giá vốn hàng bán	Triệu đồng		482.824	
b	- Chi phí tài chính	Triệu đồng		54.793	
c	- Chi phí bán hàng	Triệu đồng		63.585	
d	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng		36.330	
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	84.000	87.048	103,63%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	67.500	69.538	103,02%
5	Tỷ suất LNTT/VĐL	%	8,4%	8,7%	103,60%
6	Các khoản nộp NSNN	Triệu đồng	40.000	49.751	124,38%
7	Lao động bình quân	Người	883	908	102,83%
8	Thu nhập bình quân:	Triệu đồng	9,4	9,7	103,20%

Các chỉ tiêu trên chưa kể lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

2/ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015:

a/ Về doanh thu: Tổng doanh thu năm 2015 đạt 111% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu sản xuất nước và doanh thu xây lắp đều đạt và vượt kế hoạch năm 2015. Doanh thu sản xuất nước tăng 26,8% so với năm 2014. Doanh thu xây lắp tăng khá: đạt 207,2% so với kế hoạch năm 2015 và 146,5% so với cùng kỳ năm 2014.

b/ Về chi phí: Công ty đã giám sát chặt chẽ các chi phí hoạt động SXKD nhằm tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất. Đồng thời tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý sản xuất và các giải pháp về điều hành hoạt động của Công ty cổ phần.

c/ Về lợi nhuận: Lợi nhuận thực hiện (chưa kể phần chênh lệch tỷ giá ngoại tệ 44,7 tỷ) tăng 3,6% so với kế hoạch năm 2015 và tăng 221,9% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn: tăng 3,6% so với kế hoạch năm 2015, đảm bảo thực hiện cổ tức năm 2015 theo kế hoạch.

Trong năm 2015, Ban Điều hành Công ty đã quyết liệt bằng mọi biện pháp rà soát các khu vực trọng điểm có tỷ lệ thất thoát cao. Lắp đặt biến tần và đồng hồ điện từ các trạm bơm, thay thế ống sắt tráng kẽm tại một số phường nội ô khu dân cư thành phố Biên Hòa. Do đó đã kéo giảm tỷ lệ thất thoát từ 25% đến cuối năm 2015 là 19,1%. Bước đầu đây là kết quả góp phần giảm chi phí rất lớn, và tạo đà

cho các năm sau phát triển. Ngoài ra, Ban Điều hành Công ty cũng rà soát tiết giảm tối đa các chi phí tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, chi phí quản lý làm cho lơi nhuận tăng.

3/ Công tác đầu tư xây dựng xây dựng công trình:

Năm 2015, Công ty đã đầu tư xây dựng cơ bản tổng giá trị 7.476.913 triệu đồng. Trong đó có 3 dự án: Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 1 c/s; 100.000m3/ngày giá trị đầu tư đến cuối năm 2014: 2.008.415 triệu đồng bằng nguồn vốn ODA vay của Nhật Bản và vốn đối ứng , đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 5/2014 đến nay đã phát huy công suất được 70%. Dự án đã tạm tăng tài sản để trích khấu hao trả nợ vay. Hiện nay Công ty đang hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán, kiểm toán và trình UBND Tỉnh phê duyệt quyết toán vốn đầu tư.

Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 c/s; 100.000m3/ngày giá trị đầu tư: 3.567.712 triệu đồng bằng nguồn vốn ODA vay của Nhật Bản vốn đối ứng. Công ty đang tổ chức đấu thầu tư vấn.

Dự án Hệ thống cấp nước Thiện tân giai đoạn 2 c/s; 100.000m3/ngày giá trị đầu tư: 1.277.084 triệu đồng bằng nguồn vốn ODA vay của Hàn Quốc vốn đối ứng. Nhà thầu Kumho (Hàn Quốc) đang thi công theo đúng tiến độ.

Các dự án còn lại chủ yếu là nâng công xuất nhà máy của các chi nhánh trực thuộc và lắp đặt tuyến ống phân phối.

Các công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2015 giá trị 1.167.793 triệu đồng. Các Dự án cấp nước do đầu tư XDCB hoàn thành đưa vào sử dụng đều mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần nâng cao vai trò phục vụ an sinh xã hội và sự phát triển của Công ty.

4/ Tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở xem xét báo cáo tài chính năm 2015, bảng cân đối kế toán, thu nhập và chi phí đã được kiểm toán, Ban kiểm soát ghi nhận công tác kế toán chấp hành đầy đủ quy định hiện hành của Nhà nước, đảm bảo trung thực, chính xác, rõ ràng.

a/ Công tác kế toán : chấp hành đúng chế độ, quy định pháp luật và các văn bản pháp quy hướng dẫn của Nhà nước. Thực hiện theo Luật kế toán và các chuẩn mực kế toán Việt nam. Số liệu trung thực, chính xác, rõ ràng.

b/ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản: Vận dụng và thực hiện tốt quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội, các nghị định của Chính Phủ hướng dẫn thi hành luật 50/2014/QH13. Các thông tư hướng dẫn thực hiện của Bộ Xây dựng về công tác quản lý đầu tư xây dựng công trình.Việc thực hiện và chấp hành đúng hướng dẫn của Nhà nước về trình tự xây dựng cơ bản đã đảm bảo công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đúng đắn, minh bạch và tiết kiệm được chi phí, giảm giá thành nâng cao hiệu quả các dự án, công trình đầu tư.

II- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2015

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2015, Ban kiểm soát đã kiểm tra, đối chiếu và xác nhận như sau:

1/ Các chỉ tiêu chủ yếu về tài sản và nguồn vốn đến 31/12/2015:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm (01/01/2015)	Số cuối năm (31/12/2015)
I. Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	290.444.563.907	435.241.974.052
1. Tiền và các khoản tương đương	110-BCĐKT	152.598.525.262	131.578.348.041
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn	120-BCĐKT		
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	76.960.478.090	274.049.566.232
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi			
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	35.553.180.188	29.065.043.325
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	25.332.380.367	549.016.454
II. Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	2.688.723.271.07	2.738.722.534.202
1. Tài sản cố định	220-BCĐKT	1.510.655.838.80	2.506.455.893.887
- Tài sản cố định hữu hình	221-BCĐKT	1.485.741.368.54	2.481.531.507.007
- Tài sản cố định vô hình	227-BCĐKT	24.914.470.263	24.924.386.880
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230-BCĐKT	1.055.217.300.00	97.047.919.217
2. Bất động sản đầu tư	240-BCĐKT		
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	117.252.944.380	113.813.910.093
Trong đó: - Đầu tư vào công ty con	251-BCĐKT	103.728.819.600	103.728.819.600
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259-BCĐKT		(785.000.000)
4. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	3.843.871.068	19.651.494.187
III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	1.853.228.808.10	1.952.090.850.885
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	909.052.497.517	473.451.777.021
Trong đó: Nợ quá hạn		0	0
2. Nợ dài hạn	330-BCĐKT	944.176.310.585	1.478.639.073.864
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	1.125.939.026.88	1.221.873.657.369
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	1.125.112.319.07	1.221.128.715.711
Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở	411-BCĐKT	1.000.000.000.00	1.000.000.000.000
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	826.707.808	744.941.658
V. Kết quả kinh doanh			
3. Tổng lợi nhuận trước thuế (SXKD)	50-BCKQKD		87.048.003.764
4. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN Lãi cơ bản trên cổ phiếu	60-BCKQKD		69.538.291.607

Nhận xét của Ban Kiểm soát:

Các chỉ tiêu tài chính trên đã được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty và đã được kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập (Công ty TNHH kiểm toán D.T.L), Ban kiểm soát đối chiếu với sổ sách kế toán và báo cáo của các bộ phận nghiệp vụ của Công ty. Ban kiểm soát xác nhận các số liệu trên phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty năm 2015.

2/ Về hoạt động đầu tư tài chính.

Đến 31/12/2015 là : 114.598.910.093 đồng. Bao gồm:

a/ Đầu tư vào công ty con:	103.728.819.600 đ
+ Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch:	90.978.819.600 đ
+ Công ty CP cấp nước Long Khánh:	12.750.000.000 đ
b/ Đầu tư vào công ty liên kết:	7.800.368.003 đ
+ Công ty CP DV&XD cấp nước Đ.Nai:	7.800.368.003 đ
c/ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:	3.069.722.490 đ
+ Công ty CP Sonadezi Châu Đức:	1.039.722.490 đ
+ Công ty CP Dịch vụ Sonadezi:	2.030.000.000 đ

Việc đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và góp vốn với các Công ty đến 31/12/2015. Theo báo cáo tài chính Các Công ty trên đều có lãi.

3/ Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, nguyên nhân và giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải trả quá hạn.

a/ Nợ phải thu (đến 31/12/2015): 72.447.146.898 đồng

+ Phải thu tiền nước: 67.217.387.332 đ (chủ yếu là hóa đơn tiền nước của tháng 12/2015 sang tháng 01/2016 mới thu được).

+ Phải thu lắp đặt hệ thống nước: 35.783.823 đ

+ Phải thu khác (ngắn hạn và dài hạn): 5.193.975.743 đ

b/ Nợ phải trả (đến 31/12/2015): 1.952.090.850.885 đồng.

Trong đó, nợ dài hạn: 1.478.639.073.864 đồng (do vay vốn để thực hiện các dự án)

c/ Nợ phải thu khó đòi: Không

d/ Nợ phải trả quá hạn: Không

Công ty đã thực hiện đúng các nội dung, qui định về quản lý nợ phải thu, nợ phải trả theo Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 về Quản lý nợ của doanh nghiệp.

4/ Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước:

Đánh giá qua các chỉ tiêu sau:

a/ Chỉ tiêu mức độ bảo toàn vốn = vốn chủ sở hữu cuối kỳ - vốn chủ sở hữu đầu kỳ

1.221.128.715.711-1.125.112.319.074= 96.016.396.637

b/ Chỉ tiêu hệ số bảo toàn:

$$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của DN tại thời điểm BC}}{\text{Vốn chủ sở hữu cuối kỳ trước liền kề với kỳ BC}} = \frac{1.221.128.715.711}{1.125.112.319.074} = 1,085$$

Hệ số bảo toàn vốn H > 1 => Công ty bảo toàn và phát triển được vốn.

c/ Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn:

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA): $\frac{67.897.092.572}{3.173.964.508.254} = 2,14\ \%$

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (ROE): $\frac{67.897.092.572}{1.221.128.715.711} = 5,56\ \%$

III- BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.

1/ Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2015, số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 được Đại hội đồng cổ đông bầu là 7 người, đủ về số lượng và chất lượng theo yêu cầu của luật định. Hội đồng quản trị đã duy trì các kỳ họp thường kỳ. Từng thành viên có ý thức chấp hành pháp luật và điều lệ Công ty một cách nghiêm chỉnh, không có xung đột về quyền lợi. Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cho từng thành viên hợp lý, mỗi thành viên đều phát huy và nêu cao được vai trò trách nhiệm của mình trong công việc. Năm 2015, HĐQT đã tổ chức họp 10 phiên họp thường kỳ, và ban hành 75 văn bản Nghị quyết và quyết định, xoay quanh các nội dung chủ yếu sau đây:

- Đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra biện pháp tháo gỡ khó khăn thúc đẩy sản xuất phát triển. Đầu tư xây dựng các dự án mở rộng mạng lưới cung cấp nước trên địa bàn;

- *Đánh giá chung :* Hoạt động của Hội đồng quản trị đã thể hiện tốt vai trò trách nhiệm và quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ, đã cùng với ban điều hành kịp thời đưa ra những chủ trương phù hợp , kích thích hoạt động SXKD,

đảm bảo sản xuất và cung cấp nước ổn định cho khách hàng và đề ra được các chính sách có tính chiến lược cho sự phát triển của Công ty.

2/ Về hoạt động của Ban điều hành:

Ban điều hành Công ty có 04 người, một giám đốc, 3 Phó giám đốc và Kế toán trưởng có đầy đủ trình độ và năng lực điều hành Công ty. Trong năm 2015, Công ty đã kịp thời khắc phục những hạn chế, khó khăn cung cấp nước an toàn cho các khu công nghiệp, khu dân cư trên địa bàn, SXKD có hiệu quả, nâng cao được đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, chế độ tiền lương, tiền thưởng và trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, tạo được niềm tin cho người lao động an tâm công tác, gắn bó với Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Quy chế dân chủ ở cơ sở được phát huy công tác xã hội được quan tâm thực hiện trong năm 2015.

- *Đánh giá chung :* Ban điều hành công ty đã thực hiện nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, đảm bảo cho Công ty hoạt động hiệu quả cao, phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Cổ đông Cty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHCĐ 2016).

Nguyễn Tấn Dũng

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
BAN KIỂM SOÁT	*Biên Hòa, ngày 01 tháng 4 năm 2016*

BÁO CÁO
TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2015

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được Đại hội đồng cổ đồng thông qua ngày 26/12/2014.

Căn cứ quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ban hành ngày 28/4/2015

Ban kiểm soát xin được báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động năm 2015 như sau:

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cùng với Công ty hoạt động của Ban kiểm soát cũng có thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

1/ Hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát gồm ba (3) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện các hoạt động giám sát theo qui định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm 2015, được sự phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và khuyến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết góp phần tăng hiệu quả quản lý điều hành và SXKD, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Trong năm 2015, Ban kiểm soát đã họp 2 phiên nội dung:

-Thảo luận quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ 2015-2020

- Phân công nhiệm vụ từng thành viên.

- Trong năm Ban kiểm soát xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và hệ thống quản lý Công ty trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện tài chính và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban kiểm soát cũng tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty, đưa ra những kiến nghị với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong năm 2015. Kiểm soát việc tuân thủ các qui định về công bố thông tin của Công ty theo đúng qui định Pháp luật.

Tổ chức kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính của Công ty 6 tháng đầu năm 2015 và báo cáo tài chính năm 2015. Ban kiểm soát đồng ý với đánh giá về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty TNHH kiểm toán D.T.L

- Ban kiểm soát cũng thường xuyên trao đổi với nhau qua điện thoại và email nhằm hoàn thành nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

* Tổng kết tiền lương, thù lao và các chi phí của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Lương, thù lao	Thưởng	Cộng
01	Nguyễn Tấn Dũng	362.726.000	4.200.000	366.926.000
02	Phạm Thị Hồng	48.000.000		48.000.000
03	Tăng Tố Vân	48.000.000		48.000.000
	Cộng:	**458.726.000**	**4.2000.000**	**462.926.000**

2/ Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Cổ đông.

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ của các cổ đông giao phó, Ban kiểm soát luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn, trung thực với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với mục tiêu của Công ty và các chính sách, chế độ quy định của nhà nước

3/ Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty, Ban kiểm soát xin đưa ra kế hoạch nhiệm vụ trong năm 2016 cụ thể như sau:

a/ Nâng cao năng lực, phát huy những mặt mạnh đạt được, đồng thời khắc phục khó khăn nhằm hoàn thiện nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

b/ Tăng cường công tác soát xét, kiểm tra các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc, đảm bảo tính thống nhất và tuân thủ pháp luật cũng như Điều lệ Công ty một cách nghiêm túc.

c/ Tăng cường công tác kiểm tra giám sát tình hình SXKD và đầu tư xây dựng các dự án, công trình xây dựng, nhằm đảm bảo hiệu quả, tính khả thi khi đưa công trình vào khai thác sử dụng.

d/ Tiếp tục thực hiện giám sát Công ty việc thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm bảo đảm tính minh bạch công khai theo yêu cầu cầu của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2015 và kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 kính trình trước Đại hội đồng cổ đông xem xét.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:
- Cổ đông Cty;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Lưu VT; HĐQT.

(Tài liệu ĐHCĐ 2016).

Nguyễn Tấn Dũng

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán DTL thực hiện.

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, chia cổ tức năm 2015, trích lập các quỹ và qui chế sử dụng các quỹ như sau:

I- Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức:

STT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
	Vốn điều lệ		**1.000.000.000.000**
	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :		69.538.291.607
	Lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		203.302.437
I	Lợi nhuận sử dụng để phân phối		**69.741.594.044**
II	Trích lập các quỹ		17.784.106.481
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	10.461.239.107
2	Quỹ khen thưởng - phúc lợi	10,5%	7.322.867.374
2.1	Quỹ khen thưởng CBCNV	5%	3.487.079.702
2.2	Quỹ phúc lợi CBCNV	4%	2.789.663.762
2.3	Quỹ khen thưởng ban điều hành	0,5%	348.707.970
2.4	Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng (*)	1%	697.415.940
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ		51.957.487.563
4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		
5	Dự kiến chia cổ tức	5%	50.000.000.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau		1.957.487.563

(*) 50% mức trích Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng dùng để chi theo các chương trình chung của Tổng công ty.

Ghi chú: Lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của năm 2015 tại ngày 31/12/2015 là: **34.940.447.428 đ** theo quy định không được phân phối các quỹ và chia cổ tức.

II- Quy chế sử dụng các quỹ sau khi trích lập :

1- Quỹ đầu tư phát triển :

Được dùng để :

- Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Công ty;
- Đầu tư xây dựng vào các dự án của Công ty;
- Bổ sung vốn kinh doanh Công ty.

2- Quỹ khen thưởng :

Được dùng để :

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3- Quỹ phúc lợi và quỹ phúc lợi xã hội cộng đồng :

Được dùng để :

- Đầu tư xây dựng, sữa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Công ty, phúc lợi xã hội.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty, trong nội bộ ngành cấp nước, hoặc theo chủ trương của cấp trên.
- Ngoài ra còn được sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp về hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

4- Quỹ thưởng Ban điều hành:

- Thưởng cho Ban điều hành quản lý Công ty.

5- Quỹ khen thưởng và phúc lợi, khi sử dụng phải phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và Công đoàn cơ sở Công ty. Công ty không được phép chi quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

6- Lợi nhuận còn lại, chuyển sang năm sau: Dự phòng lợi nhuận cho năm sau hoặc tích lũy để cân đối tỷ lệ cổ tức các năm sau.

Trên đây là phương án phân phối sử dụng lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND.

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thỉnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bính	Thành viên
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiền	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Hồng	Thành viên
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	*Chức danh*
Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bính	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thỉnh	Phó Giám đốc
Bà Mai Ngọc Thu	Phó Giám đốc (đến ngày 31 tháng 10 năm 2015)

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016
Thay mặt Ban Giám đốc
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

PHAN HÙNG

RSM

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

www.rsm.com.vn

Số: 16.109/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gởi: **Các Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2016 từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

RSM

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 04 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL
KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN D.T.L

LỤC THỊ VÂN
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số:0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số:0544-2013-026-1

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**435.241.974.052**	**290.444.563.907**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**131.578.348.041**	**152.598.525.262**
1. Tiền	111		51.578.348.041	152.598.525.262
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**274.049.566.232**	**76.960.478.090**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	67.253.171.155	61.762.532.559
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	203.355.736.152	9.413.416.724
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.440.658.925	5.784.528.807
IV. Hàng tồn kho	**140**		**29.065.043.325**	**35.553.180.188**
1. Hàng tồn kho	141	5.6	29.065.043.325	35.553.180.188
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**549.016.454**	**25.332.380.367**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		71.744.561	9.321.278.457
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	-	15.251.048.838
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		477.271.893	760.053.072
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**2.738.722.534.202**	**2.688.723.271.077**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.753.316.818**	**1.753.316.818**
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.753.316.818	1.753.316.818
II. Tài sản cố định	**220**		**2.506.455.893.887**	**1.510.655.838.804**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	2.481.531.507.007	1.485.741.368.541
- Nguyên giá	222		3.593.702.506.108	2.425.909.029.593
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.112.170.999.101)	(940.167.661.052)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	24.924.386.880	24.914.470.263
- Nguyên giá	228		26.900.949.338	26.760.949.338
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.976.562.458)	(1.846.479.075)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**97.047.919.217**	**1.055.217.300.007**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	97.047.919.217	1.055.217.300.007
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	5.2	**113.813.910.093**	**117.252.944.380**
1. Đầu tư vào công ty con	251		103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		7.800.368.003	10.454.402.290
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.069.722.490	3.069.722.490
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(785.000.000)	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**19.651.494.187**	**3.843.871.068**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	19.651.494.187	3.843.871.068
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**3.173.964.508.254**	**2.979.167.834.984**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.952.090.850.885**	**1.853.228.808.102**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**473.451.777.021**	**909.052.497.517**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	22.067.534.859	39.436.625.442
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.087.534.773	3.888.194.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	18.451.299.662	31.322.234.846
4. Phải trả người lao động	314		681.982.883	770.431.124
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.575.921.611	5.163.628.853
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	23.924.555.954	466.690.976.414
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	396.767.470.597	351.720.167.579
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.895.476.682	10.060.238.432
II. Nợ dài hạn	**330**		**1.478.639.073.864**	**944.176.310.585**
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.12	16.466.323.376	16.466.323.376
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		7.440.282.725	-
3. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	219.486.424.695	49.464.715.262
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	1.235.246.043.068	878.245.271.947
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.221.873.657.369**	**1.125.939.026.882**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	5.16.1	**1.221.128.715.711**	**1.125.112.319.074**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.2	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.552.270.309	15.552.270.309
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		179.486.291	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		205.396.959.111	109.560.048.765
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		100.714.917.639	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		104.682.041.472	109.560.048.765
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	**430**		**744.941.658**	**826.707.808**
1. Nguồn kinh phí	431		744.941.658	826.707.808
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**3.173.964.508.254**	**2.979.167.834.984**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	712.527.249.946	557.871.094.880
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	154.652.668	13.847.836
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		712.372.597.278	557.857.247.044
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	482.823.819.314	424.808.880.720
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		229.548.777.964	133.048.366.324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	56.860.868.856	173.868.557.827
7. Chi phí tài chính	22	6.5	54.792.691.690	45.699.492.632
Trong đó, chi phí lãi vay	23		*53.100.796.445*	*42.033.200.881*
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	63.584.504.586	54.629.474.394
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	36.330.394.923	39.515.171.093
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		131.702.055.621	167.072.786.032
11. Thu nhập khác	31		1.807.147.787	893.863.741
12. Chi phí khác	32		1.665.754.223	1.003.626.188
13. Lợi nhuận khác	40		141.393.564	(109.762.447)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		131.843.449.185	166.963.023.585
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	27.364.710.150	35.481.769.985
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		104.478.739.035	131.481.253.600

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**131.843.449.185**	**166.963.023.585**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		165.327.098.213	153.979.195.185
Các khoản dự phòng	03		785.000.000	(1.069.330.641)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(44.795.445.421)	(136.795.309.230)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.100.923.435)	(7.019.606.451)
Chi phí lãi vay	06		53.100.796.445	42.033.200.881
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**294.159.974.987**	**218.091.173.329**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(172.305.724.229)	114.103.901.522
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		6.488.136.863	(2.675.141.835)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(294.204.862.249)	360.955.028.598
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(15.807.623.119)	(1.413.802.502)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(47.572.460.008)	(42.610.246.951)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(37.110.231.767)	(9.226.266.863)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.886.993.112	1.569.916.895
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(7.133.521.012)	(6.835.648.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(271.599.317.422)**	**631.958.914.103**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(209.842.970.909)	(652.487.977.717)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		35.500.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.339.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.716.724.346	7.019.606.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(197.751.746.563)**	**(645.468.371.266)**

(Xem trang tiếp theo)

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	950.958.217.641	822.582.641.292
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(502.627.330.877)	(714.926.714.457)
5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		-	(7.739.837.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**448.330.886.764**	**99.916.089.582**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**		**(21.020.177.221)**	**86.406.632.419**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**152.598.525.262**	**66.191.892.843**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**		**131.578.348.041**	**152.598.525.262**

Đồng Nai, ngày 20 tháng 01 năm 2016

NGƯỜI LẬP BIỂU	KẾ TOÁN TRƯỞNG	GIÁM ĐỐC
NGUYỄN THỊ THANH TÂM	NGUYỄN THU OANH	PHAN HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 24/KH-HĐQT	*Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016*

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai năm 2016 như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH:

1) Vị thế của Công ty trong ngành cấp nước sạch.

Công ty hiện đang quản lý phần lớn hệ thống xử lý và mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, là địa bàn hoạt động chưa có sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành nghề. Hiện nay, Công ty đứng thứ 3 toàn quốc về công suất cấp nước, đồng thời cũng là đơn vị cấp tỉnh có nhiều dự án được các nhà tài trợ vốn ODA quan tâm.

2) Triển vọng của ngành cấp nước sạch trên địa bàn Đồng Nai

- Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Nam, việc kêu gọi đầu tư nước ngoài rất cần thiết, vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có hệ thống cấp nước phải được đặt lên hàng đầu.

- Nước sạch là mặt hàng thiết yếu cho sinh hoạt và sản xuất; để phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường thì cần phải phát triển hệ thống cấp nước sạch đạt về số lượng và chất lượng.

- Với lợi thế của tỉnh Đồng Nai là có nhiều khu công nghiệp tập trung, dân cư từ các địa phương khác tập trung về đông, khiến cho nhu cầu sử dụng nước sạch cũng gia tăng tương ứng, đòi hỏi sản lượng cung cấp nước ngày càng cao.

Do đó, ngành nghề kinh doanh: sản xuất và cung cấp nước sạch của Công ty rất có triển vọng vì nhu cầu thị trường đối với dịch vụ Công ty cung cấp ngày một tăng.

3) Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Để đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của các trung tâm thị trấn, thị tứ, các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa và các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Nai, DOWACO đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của TP.Biên Hòa và trung tâm các thị xã, huyện của tỉnh. Định hướng phát triển của Công ty như trên là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016:

Đơn vị tính: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2016
1	**Tổng doanh thu**		**722.350.000.000**
	- Sản xuất nước		693.350.000.000
	- Xây lắp		20.000.000.000
	- Hoạt động khác		9.000.000.000
2	**Tổng chi phí**		**618.350.000.000**
3	**Lợi nhuận trước thuế**		**104.000.000.000**
	- Lãi từ sản xuất kinh doanh		104.000.000.000
4	**Nộp thuế TNDN (20%)**		**19.000.000.000**
5	**Kế hoạch phân phối lợi nhuận**		
5.1	Lợi nhuận sau thuế		85.000.000.000
5.2	Trích quỹ:		21.675.000.000
a	Quỹ đầu tư phát triển	15%	12.750.000.000
b	Quỹ khen thưởng - phúc lợi	10,5%	8.925.000.000
	- Quỹ khen thưởng CB.CNV	*5%*	*4.250.000.000*
	- Quỹ phúc lợi CB.CNV	*4%*	*3.400.000.000*
	- Quỹ thưởng Ban Điều hành	*0,5%*	*425.000.000*
	- Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng	*1%*	*850.000.000*
5.3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ		63.325.000.000
5.4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		1.957.487.563
5.5	Lợi nhuận chia cổ tức		60.000.000.000
5.6	Tỷ lệ chia cổ tức		6%
5.7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau		5.282.487.563
6	**Phát sinh nộp ngân sách**		**44.000.000.000**
7	**Đầu tư xây dựng cơ bản**		**441.344.000.000**
	HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) – CS 100.000 m^3/ngày		398.344.000.000
	HTCN huyện Vĩnh Cửu – CS 15.000 m^3/ngày		43.000.000.000
8	**Tổng quỹ lương**		**110.296.000.000**
9	**Lao động (người)**		**935**
10	**Thu nhập bình quân**		**9.900.000**
11	**Tổng vốn điều lệ**		**1.000.000.000.000**
12	**Tổng vốn kinh doanh**		**1.006.750.000.000**
13	**Tỷ suất lợi nhuận/Vốn điều lệ**		**10,4%**

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU:

1) Giải pháp về triển khai thực hiện các dự án

- Phối hợp chặt chẽ với nhà thầu và đơn vị thi công thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các gói thầu của dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn 2.

- Triển khai các bước tiếp theo của dự án HTCN Nhơn Trạch giai đoạn 2.

- Xây dựng Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu, công suất 15.000m^3/ngày.

- Thực hiện các dự án cấp nước sử dụng vốn vay và vốn khác.

2) Giải pháp về điều hành quản lý sản xuất

- Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống cấp nước. Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị của Công ty trong việc nhận bàn giao, đấu nối và điều phối, nâng cao sản lượng cấp nước sạch từ các công trình cấp nước.

- Quản lý vận hành tốt các nhà máy: Duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

3) Giải pháp về quản lý khách hàng, gia tăng sản lượng tiêu thụ nước

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng trong toàn Công ty; Thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của người dân.

- Tăng cường phát triển khách hàng dọc trục đường Quốc lộ 51, Quốc lộ 1 và các khu dân cư tập trung, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Long Thành, huyện Trảng Bom, huyện Thống Nhất, các khu vực nội ô thành phố Biên Hòa và các khu vực đông dân cư khác.

- Tăng cường đưa nguồn nước của Công ty vào hệ thống cấp nước hiện hữu của khu vực huyện Nhơn Trạch.

- Cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất.

4) Giải pháp về công tác chống thất thoát nước

- Thực hiện công tác chống thất thoát nước: Thay thế, cải tạo đường ống cấp nước sắt tráng kẽm bằng ống HDPE, thay thế cải tạo các đường ống cấp nước cũ thường xuyên bị xì, bể và thay thế các đồng hồ cũ chạy không chính xác; thay thế các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện từ.

- Thực hiện lắp biến tần tại các Chi nhánh cấp nước nhằm giảm chi phí điện năng tiêu thụ và giảm thất thoát nước.

- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: đầu tư mới, lựa chọn chủng loại đồng hồ đạt tiêu chuẩn cao; kiểm định đồng hồ ban đầu hoặc định kỳ và thực hiện đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước.

- Đầu tư các phần mềm quản lý chạy trên nền công nghệ GIS để quản lý hệ thống

kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm quản lý mạng lưới cấp nước, nhất là đối với công tác trực 24/24 giờ, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng, kịp thời các sự cố ống bể.

5) Giải pháp về tiết kiệm chi phí điện năng

- Vận hành máy bơm nước và các thiết bị xử lý nước vào giờ thấp điểm có giá điện thấp để dự trữ nước tại các bể chứa, sau đó bơm ra mạng lưới vào giờ cao điểm từ bể chứa hạn chế vận hành trạm bơm cấp I vào giờ cao điểm trừ trường hợp thiếu áp phải bơm tăng cường nhằm hạn chế sản lượng điện vào giờ cao điểm có giá điện cao.

- Thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong các nhà máy nước có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.

- Lắp đặt biến tần và các thiết bị kiểm soát áp lực để hạn chế điện năng tiêu thụ.

- Lắp đặt tụ bù và các thiết bị chống sét đảm bảo tiết kiệm điện và an toàn thiết bị.

- Phát động phong trào sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm chi phí điện, tiết kiệm điện năng.

6) Giải pháp về tài chính

- Tập trung tích lũy vốn để có một tiềm lực tài chính mạnh, đủ tầm vóc để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của TP.Biên Hòa và trung tâm các thị xã, huyện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khấu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

7) Giải pháp về nguồn nhân lực

- Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên, để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ, nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện công tác điều động, luân chuyển người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch thường xuyên hàng năm. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm.. ở một số vị trí quan trọng.

- Để người lao động yên tâm gắn bó lâu dài, Công ty xây dựng chế độ đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên và có quan tâm nhiều hơn đến các CB.CNV có năng lực. Đồng thời tạo cơ chế linh hoạt làm động lực cho CB.CNV rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.

8) Giải pháp về thị trường

Quảng bá thương hiệu và chất lượng sản phẩm, dịch vụ ngành nước, tiếp tục duy trì thực hiện hệ thống quản lý chất lượng máy móc, thiết bị, đường ống đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng, để khẳng định uy tín thương hiệu, đáp ứng nhu cầu đa dạng các đối tượng khách hàng.

9) Giải pháp về công nghệ

Ứng dụng công nghệ thông tin làm nền tảng cho hệ thống quản lý, áp dụng phần mềm vào công tác quản lý nhân sự, quản lý công văn chứng từ, quản lý dự án, quản lý kế hoạch kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý tài chính…

10) Một số giải pháp khác:

- Tập trung mọi nỗ lực thực hiện việc tiếp nhận và mở rộng các dự án cấp nước sạch ở các dự án thuộc các huyện và khai thác quản lý hiệu quả. Đầu tư các dự án mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh. Khai thác sử dụng hợp lý nguồn nhân lực, từng bước quản lý điều hành theo cơ chế mới của Công ty cổ phần.

- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí, tài sản,công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu.

- Thực hiện các qui định về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách, chế độ quy định khác theo luật định.

Trên đây là Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai năm 2016. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông xem xét để thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
M.S.D.N: 3600259296 - C.T.C.P
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 135/QĐ-PTKCN-HĐQT	*Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 106/2015/NĐ-CP ngày 23/10/2015 về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 29/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh ĐN về việc chuyển Công ty Phát triển KCN Biên Hòa thành Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 18/6/2010 và Quyết định số 1648/QĐ-UBND ngày 28/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh ĐN về việc phê duyệt phương án chuyển Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp thành Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-TTg ngày 26/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ Tổng Công ty Phát triển KCN;

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/01/2016;

Căn cứ Quy chế quản lý người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Phát triển KCN tại doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Quyết định số 149/QĐ-PTKCN-NS ngày 16/6/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty;

Căn cứ Thông báo số 177/TB-PTKCN-NS ngày 18/3/2016 của Chủ tịch HĐQT về việc ủy quyền trong thời gian đi công tác;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử Bà Phan Thùy Đoan, Giám đốc Tài chính Công ty CP Sonadezi Long Thành, thay thế Bà Phạm Thị Hồng làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước. Đề cử Bà Phan Thùy Đoan tham gia Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp nước Đồng Nai.

Điều 2. Bà Phan Thùy Đoan có trách nhiệm tuân thủ các chủ trương, chỉ đạo của Tổng Công ty và thực hiện vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện trong nhiệm kỳ được cử làm đại diện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 371/QĐ-PTKCN-NS ngày 30/12/2014.

Điều 4. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TUQ. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT

M.S.D.N: 3600335363
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Phan Đình Thám

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Sở Nội vụ (b/c);
- Đảng ủy TCTy, CT.HĐQT (b/c);
- Đại hội cổ đông, HĐQT Cty CP Cấp nước ĐN;
- Ban QTTH;
- Lưu: VT, NS.

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN **CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/TTr-HĐQT	*Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét, thông qua việc bầu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, như sau:

1- Lý do bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

Theo Quyết định số 135/QĐ-PTKCN-HĐQT ngày 31/3/2016 của Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp v/v Cử Bà Phạn Thùy Đoan – Giám đốc tài chính Công ty CP Sonadezi Long Thành, thay thế Bà Phạm Thị Hồng làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ 1% vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Theo Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (ba) thành viên, do đó cần thiết phải bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát thay bà Phạm Thị Hồng.

2- Số lượng, điều kiện và cách thức bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát bầu bổ sung: 01 thành viên.

- Cơ cấu: Theo sự đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông/đại diện theo ủy quyền có quyền đề cử theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

- Cách thức bầu: Bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín tại Đại hội.

- Ứng viên phải đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

3- Ứng cử viên đề cử bầu vào Ban kiểm soát:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang công tác
1	Phan Thùy Đoan	1981	Thạc sĩ QTKD, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành tài chính doanh nghiệp	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI (DOWACO)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2016, đảm bảo được thực hiện đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành.
2. Mục tiêu đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ, và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông. Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Quy chế này quy định và điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát.
4. Đối tượng áp dụng: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông Công ty chốt đến ngày 15/03/2016), thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu và các đơn vị có liên quan đến việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
5. Số lượng thành viên BKS được bầu bổ sung: 01 thành viên
6. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát được bầu bổ sung là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ 2015 -2020.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông

1. Quyền của các cổ đông khi tham dự Đại hội

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều được nhận một Phiếu bầu cử bổ sung Thành viên BKS, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ và số phiếu tương ứng cổ đông được sử dụng để bầu.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này;
- Cổ đông, đại diện cổ đông phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với DOWACO. Khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho DOWACO tại thời điểm nhận phiếu;
- Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;
- Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc hoặc người quản lý khác của công ty;
- Có trình độ đại học trở lên, ưu tiên cho người có chuyên môn kế toán hoặc kiểm toán;
- Người được đề cử vào Ban kiểm soát không phải là người giữ các chức vụ quản lý trong Công ty DOWACO, không phải là người làm việc tại Phòng Tài chính kế toán của DOWACO và không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty DOWACO.

2. Đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử năm ứng viên (05 ứng viên) vào Ban Kiểm soát.

Điều 4. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

- Đơn đề cử, ứng cử vào chức danh thành viên Ban kiểm soát (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website: www.dowaco.vn
- Sơ yếu lý lịch cá nhân của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu đăng tải trên website: www.dowaco.vn
- Bản sao có chứng thực hộ khẩu thường trú (hoặc đăng ký tạm trú); CMND hoặc hộ chiếu (nếu là người nước ngoài); các văn bằng chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

Điều 5. Thông tin gửi hồ sơ

Hồ sơ đề cử, ứng cử xin gửi về Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai trước **16h ngày 12/04/2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48, đường Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: (061) 3843316 Fax: (061) 3847149
Liên hệ: Ông Nguyễn Cao Hà Điện thoại: 0909392267
Ông Trịnh Bảo Ân Điện thoại: 0985767096

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông hoặc cá nhân đại diện cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên vào Ban kiểm soát của DOWACO, Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát và sẽ thông qua danh sách tại Đại hội.

CHƯƠNG III

BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 7. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu.

1. Phiếu bầu.

- Phiếu bầu được in thống nhất và có đóng dấu do DOWACO phát hành (phiếu mầu xanh bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát);
- Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; Tên cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền; Tổng số phiếu biểu quyết;
- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền được phát phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát theo mã số tham dự (sở hữu và được ủy quyền) ngay khi đăng ký tham dự Đại hội.

2. Ghi phiếu bầu.

- Cổ đông hoặc Người đại diện ủy quyền phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống tương ứng trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ (có giấy uỷ quyền), người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị DOWACO đổi phiếu bầu khác;
- Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ.

- Phiếu không do DOWACO phát hành, không theo mẫu quy định của Công ty hoặc không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền);
- Phiếu gạch bỏ hết tên các ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc Người đại diện uỷ quyền không ký xác nhận trên Phiếu bầu.

Điều 8. Phương thức bầu cử.

- Việc biểu quyết bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức **bầu dồn phiếu**, theo quy định tại Khoản 3. Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014.
- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện).
- Nguyên tắc bầu cử được quy định cụ thể tại Phụ lục hướng dẫn ghi Phiếu bầu BKS ban hành kèm theo Quy chế này.

Điều 9. Ban Bầu cử và kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.

1. Ban Bầu cử và kiểm phiếu.

- Ban Bầu cử và kiểm phiếu gồm 03 người do DOWACO đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Ban Bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào thành viên ban kiểm soát;
- Ban Bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, bao gồm: Chuẩn bị thùng phiếu; phổ biến Quy chế bầu cử; thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát; hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu; công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 10. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Ban Kiểm soát.

- Việc lựa chọn các ứng cử viên trúng cử vào Ban Kiểm soát được căn cứ vào **Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết** mà ứng cử viên nhận được, đảm bảo đạt không ít hơn **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội và tính từ cao đến thấp cho đến đủ số người trúng cử theo quy định.
- Ứng cử viên trúng cử bổ sung vào Ban Kiểm soát là 01 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;
- Trong trường hợp không lựa chọn được 01 (một) thành viên Ban Kiểm soát do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 11. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu.

- Sau khi kiểm phiếu, Ban Bầu cử và kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp; số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số cổ phần biểu quyết và tỉ lệ cổ phần có quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên bổ sung vào Ban Kiểm soát; Danh sách thành viên BKS trúng cử và các ứng viên không trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 12. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do DOWACO giải quyết ngay tại Đại hội và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quy chế này gồm 3 Chương và 13 Điều do Hội đồng quản trị Công ty ban hành, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua với tỉ lệ biểu quyết tán thành là trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông và các thành viên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU BẦU BỔ DUNG THÀNH VIÊN BKS

(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu cử:

- Phiếu màu xanh: Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

2. Bỏ phiếu:

- Bỏ phiếu bầu bổ sung thành viên BKS vào thùng phiếu.

3. Ghi Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông có Tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát.
- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên Phiếu bầu cử.
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo: tổng số phiếu bầu cho các ứng cử theo phương thức bầu dồn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ 1: *Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 01 thành viên bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó Tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn B là:*

1.000 x 1 = ***1.000 Phiếu bầu để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát****.*

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết Tổng số phiếu bầu của mình cho ứng viên

Họ tên ứng cử viên	**Số phiếu bầu**
1. Ứng viên 1	1.000
Tổng số phiếu bầu	**1.000**

Trường hợp 2:
Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho ứng viên

Họ tên ứng cử viên	**Số phiếu bầu**
1. Ứng viên 1	500
Tổng số phiếu bầu	**500**

4. Phiếu bầu không hợp lệ

- *Phiếu không phải do Ban tổ chức Đại hội phát hành, không có dấu của Công ty;*
- *Phiếu bầu cử gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;*
- *Phiếu có tổng số phiếu bầu cho ứng cử viên vượt quá Tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu;*
- *Các trường hợp khác quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : Phan Thùy Đoan - Giới tính: Nữ
2. Ngày tháng năm sinh: 22/12/1981 - Nơi sinh: Đồng Nai
3. Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
4. Giấy CMND số : 271389431, ngày cấp: 18/6/2008, nơi cấp: Đồng Nai.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
   19 lô A, KDC An Bình, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
6. Chỗ ở hiện tại:
   71/68 KP1, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1999-2003	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Tài chính doanh nghiệp		
2009-2012	Viện Công nghệ Châu Á – AIT (Thái Lan)	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh		

10. Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
01/2004 – 6/2009	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	Nhân viên Kế toán		
07/2009 – 8/2010	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	Phó Giám đốc BP. Tài chính – Kế toán		
09/2010 đến nay	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng		

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	09/2010 đến nay

12. Danh sách người có liên quan của người khai *:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Đơn vị công tác (nếu có)	Quan hệ
01	Phan Thanh Nghĩa	1953	Nghỉ hưu	021 981 645	A8/12 ấp 1, xã Quy Đức, huyện Bình Chánh, Tp.HCM		Cha
02	Võ Thị Thi	1953	Nghỉ hưu	270 146 569	34/23 KP2 đường Bùi Hữu Nghĩa, Phường Tân Vạn, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai		Mẹ
03	Phan Kim Hoàng	1983	Nhân viên kinh doanh	271 545 772		Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	Em
04	Phan Tuấn Lộc	1988	Nhân viên	271 881 773		Công ty TNHH Taekwang Vina	Em
05	Lê Xuân Sâm	1977	Giám đốc dự án	271 391 661	71/68 KP1, Phường Long Bình Tân, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành	Chồng
06	Lê Thảo Phương	2007	Học sinh		19 lô A, KDC An Bình, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai		Con
07	Lê Hữu Đức	2013	Còn nhỏ				Con

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Đồng Nai, ngày 31 tháng 3 năm 2016
Xác nhận của chính quyền địa phương/ nơi công tác

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI LONG THÀNH
S.Đ.K.K.D: 3600649539 - C.T.C.P
H. LONG THÀNH - T. ĐỒNG NAI

Phạm Anh Tuấn

Đồng Nai, ngày 30 tháng 3 năm 2016
Người khai

Phan Thùy Đoan

---

* Người có liên quan theo quy định tại điểm đ khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 ngày 26/11/2014

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 26 /HĐQT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

BÁO CÁO VIỆC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TRÊN SÀN UPCOM VÀ XIN CHỦ TRƯƠNG NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SÀN CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ngày 26/12/2014;

Để tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty, tạo giá trị gia tăng cho các cổ đông cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động vốn sau này, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom và thông qua chủ trương niêm yết cổ phiếu của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai như sau:

1/ Báo cáo việc thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom kết quả như sau:

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.
- Mã chứng khoán: DNW
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 100.000.000 cổ phiếu.
- Ngày giao dịch đầu tiên: Thứ tư, ngày 16/3/2016.
- Giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên: 12.200 đồng/cổ phiếu.

2/ Trình chủ trương niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3600259299 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2016.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

1/ Căn cứ xác định mức tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Tham khảo mức thù lao áp dụng của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề và quy mô tương tự trên thị trường hiện nay.

2/ Hội đồng quản trị Công ty đề xuất kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao năm 2016 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

STT	Nội dung	Số lượng	Mức tiền lương, thù lao (đồng/người/tháng)	Số tháng/năm	Thành tiền (đồng/năm)
1	**Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát**				**960.000.000**
a	Chủ tịch HĐQT	1	50.000.000	12	600.000.000
b	Trưởng Ban kiểm soát	1	30.000.000	12	360.000.000
2	**Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát**				**528.000.000**
a	Thành viên HĐQT	6	6.000.000	12	432.000.000
b	Thành viên Ban kiểm soát	2	4.000.000	12	96.000.000
	Tổng cộng				**1.488.000.000**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc lựa chọn
đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán DTL.

Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty niêm yết theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
M.S.D.N: 3600259296 - C.T.C.P
TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /TTr-HĐQT

Đồng Nai, ngày 01 tháng 4 năm 2016

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã chỉnh sửa, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty cho phù hợp.

Nay Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Nội dung sửa đổi như sau:

1- **Các Điều, Khoản sửa đổi:**

Chi tiết các Điều khoản sửa đổi: theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2- **Các Điều, Khoản khác của Điều lệ (không nằm trong Phụ lục sửa đổi trên):** Không thay đổi (Giữ nguyên các Điều, Khoản như Điều lệ cũ năm 2014)

3- **Hiệu lực của Điều lệ sửa đổi:** Thực hiện và có hiệu lực kể từ ngày ĐHĐCĐ năm 2016 thông qua.

4- Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai gồm 13 Chương và 62 Điều được đăng tải trên Website Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 xem xét, phê chuẩn.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

PHỤ LỤC SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Đính kèm Tờ trình số: 29/TTr-HĐQT ngày 01/4/2016)

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005. f) Cổ đông sáng lập là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty cổ phần. k) "Những người liên quan" là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý Công ty, của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối hoặc các trường hợp khác quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp. l) "Thời hạn": Thời hạn hoạt động ban đầu của Công ty quy định tại Điều 2 của Điều lệ này.	**Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ** 1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Luật doanh nghiệp" có nghĩa là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 i) "Những người liên quan" là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối hoặc các trường hợp khác quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp. k) "Tổng Công ty" là Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp. ***(Bỏ điểm f, điểm l Khoản 1)***	Căn cứ Điều 4 Luật doanh nghiệp
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty 2. Hình thức : Công ty là một Công ty cổ phần có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp Việt Nam. 5. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty** 2. Hình thức : Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp Việt Nam. ***(Bỏ Khoản 5)***	
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty Công ty có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật doanh nghiệp.	**Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty** Công ty có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật doanh nghiệp.	Căn cứ Điều 7 và Điều 8 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 1. Tất cả các cổ phần được phát hành lần đầu của Công ty đều là cổ phần phổ thông. 2. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là 1.000.000.000.000 VNĐ (viết bằng chữ: Một ngàn tỷ đồng) được chia thành 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. 3. Công ty chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng các quy định của pháp luật. 4. Cổ đông sáng lập của Công ty là những cổ đông có đủ các điều kiện sau : - Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu; - Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán; - Tên, địa chỉ số lượng cổ phần cùng các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục 1 là một phần của Điều lệ này. 5. Sau khi Công ty đã đăng ký kinh doanh và bán cổ phần lần đầu, tất cả cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện tại của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ đang nắm giữ. Việc chào bán được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn để chấp nhận việc đặt mua. Các cổ phần nào không được cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp. 6. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại phải được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.	**Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập** ***Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 9 như sau:*** 1. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông. 2. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là 1.000.000.000.000 VNĐ (viết bằng chữ: Một ngàn tỷ đồng) được chia thành 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. 3. Công ty chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng các quy định của pháp luật. 4. Sau khi Công ty đã đăng ký kinh doanh và bán cổ phần lần đầu, tất cả cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện tại của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ đang nắm giữ. Việc chào bán được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn để chấp nhận việc đặt mua. Các cổ phần nào không được cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp. 5. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại phải được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật. 6. Tổng số cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài sở hữu dưới 10% vốn Điều lệ của Công ty.	Căn cứ Khoản 2 Điều 4 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 10. Cổ phiếu 1. Cổ phiếu của Công ty phát hành gồm hai loại: cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên. 2. Cổ phiếu ghi tên bao gồm: - Cổ phiếu của cổ đông Nhà nước. - Cổ phiếu của cổ đông sáng lập. - Cổ phiếu của thành viên Hội đồng quản trị. - Cổ phiếu của thành viên Ban kiểm soát. - Cổ phiếu của các cổ đông chiến lược. 3. Cổ phiếu không ghi tên là cổ phiếu không thuộc các đối tượng nêu trên.	**Điều 10. Cổ phiếu** Cổ phiếu của Công ty phát hành là cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.	
Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông 2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 85 Luật doanh nghiệp. 5. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 86 Luật doanh nghiệp.	**Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông** 2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp. 5. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 121 Luật doanh nghiệp.	Căn cứ Điều 120 và Điều 121 Luật doanh nghiệp
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần 1. Việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này. 2. Cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng, thừa kế. 3. Trong thời hạn ba năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán; cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng cổ phần phổ	**Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần** ***Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 12 như sau:*** 1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo mẫu của Công ty. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	Căn cứ Điều 8 Điều lệ Tổng Công ty Sonadezi

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
thông của cổ đông sáng lập chỉ có thể được chuyển nhượng cho những người không phải là cổ đông sáng lập của Công ty nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. 4. Cổ phiếu ghi tên thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm không được phép chuyển nhượng. Trường hợp đặc biệt thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể chuyển nhượng cổ phần khi có sự đồng ý của đa số thành viên Hội đồng quản trị. 5. Việc chuyển nhượng cổ phần ghi tên phải thực hiện bằng văn bản và tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu số cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại. 6. Khi Công ty tham gia vào thị trường chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần phải tuân theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán. 3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự. 4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan. 5. Cổ phần ưu đãi người lao động mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết. Trong thời gian cam kết thì số cổ phần này sẽ bị hạn chế quyền chuyển nhượng. 6. Cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo cam kết mua cổ phần của Công ty và các quy định đối với cổ đông chiến lược. 7. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.	
Điều 13. Thừa kế cổ phần 1. Trường hợp cổ đông qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần hợp pháp theo luật định. Trong trường hợp có nhiều người thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một đại diện sở hữu	***Sửa đổi toàn bộ Điều 13 như sau:*** **Điều 13. Thu hồi cổ phần** 1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng, chứng thực. 2. Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế phải thực hiện thủ tục đăng ký làm người sở hữu của các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông của Công ty. 3. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cũng được thừa kế nhưng người nhận thừa kế chỉ thừa kế quyền sở hữu cổ phần, không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát cho đến khi được Đại hội đồng cổ đông bầu.	và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. 2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh. toán hết sẽ bị thu hồi. 3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. 4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi. 6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 14. Mua lại cổ phần 1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông đã bán hoặc mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định tại Điều 91 Luật doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 91 Luật doanh nghiệp. 3. Việc cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình phải làm văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, giá dự kiến bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Văn bản yêu cầu phải được gởi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề quy định tại khoản 2 điều này. 5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật doanh nghiệp.	**Điều 14. Mua lại cổ phần** 1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông đã bán hoặc mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. 3. Việc cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình phải làm văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, giá dự kiến bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Văn bản yêu cầu phải được gởi đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề quy định tại khoản 2 điều này. 5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật doanh nghiệp.	Căn cứ Điều 130 và Điều 131 Luật doanh nghiệp
Điều 15. Quyền hạn của Cổ đông 2. Cổ đông Công ty có các quyền sau: a) Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên; 3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên có thêm các quyền sau.	**Điều 15. Quyền hạn của Cổ đông** 2. Cổ đông Công ty có các quyền sau: a) Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông. 3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên có thêm các quyền sau.	Căn cứ khoản 4 Điều 132 Luật doanh nghiệp
Điều 17. Đại diện được ủy quyền của cổ đông 1. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện các quyền của cổ đông bằng văn bản ủy quyền. Đại diện được ủy quyền thực hiện các quyền được uỷ quyền nhân danh cổ đông ủy quyền. 2. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại	**Điều 17. Các đại diện được ủy quyền** ***Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 17 như sau:*** 1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau: - Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền	Căn cứ Điều 140 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
diện được ủy quyền không được uỷ quyền lần thứ hai cho người khác. 3. Đại diện được ủy quyền không được đem thế chấp, cầm cố và bảo lãnh số cổ phiếu được ủy quyền trong bất kỳ trường hợp nào. 4. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định và phải có chữ ký của người ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật doanh nghiệp. 5. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền. 6. Quy định tại khoản 4 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông. 7. Đại diện được ủy quyền có thể bị thu hồi việc ủy quyền bởi văn bản chấm dứt ủy quyền do cổ đông ký. Văn bản này phải được lập theo mẫu do Hội đồng quản trị quy định.	01 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện. - Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện. b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. c. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông; - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền; - Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền; - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp; - Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty. 2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây: - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.	
Điều 19. Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;	**Điều 19. Đại hội đồng cổ đông** 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây: d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 135 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
m) Xem xét việc Công ty ký kết hợp đồng với những người theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp với giá trị lớn hơn hoặc bằng 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. o) Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm. p) Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.	n) Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm. o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. ***(Bỏ điểm m, điểm p, Khoản 2)***	
4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông; b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty; c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền; d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện; đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền; e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.	***(Bỏ toàn bộ Khoản 4)***	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền dự họp 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông dựa trên sổ đăng ký kinh doanh của Công ty và phải lập xong chậm nhất 30 ngày làm việc trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông; b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;	**Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền dự họp** 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông: a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và được lập không sớm hơn 15 ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người bán cổ phần có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;	Căn cứ Khoản1 Điều 137 Luật doanh nghiệp
Điều 22. Triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau: a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu cuộc họp theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Xác định thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông và gửi thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội. Việc thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật doanh nghiệp.	**Điều 22. Triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau: a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu cuộc họp theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Xác định thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Việc thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp. ***Bổ sung thêm các Khoản 6, Khoản 7, Khoản 8 Khoản 9 như sau:***	Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 17 Điều lệ Tổng Công ty Sonadezi Căn cứ Điều 138 và Điều 139 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. 7. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. 8. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; b) Phiếu biểu quyết; c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. 9. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 8 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.	
Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có đủ số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có	**Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông** 1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có đủ số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại lần 2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có	Căn cứ Điều 141 và Điều 139 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên trong vòng 60 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. 2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 Luật doanh nghiệp.	quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai. 2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.	
Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông Việc họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau: 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết khi làm thủ tục đăng ký cổ đông sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp, trên đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng thẻ biểu quyết. 6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	**Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông** Việc họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau: 1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết khi làm thủ tục đăng ký cổ đông sẽ được cấp tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết trên đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng thẻ biểu quyết. 6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Hoặc cổ đông có thể giơ thẻ biểu quyết và điền vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;	Căn cứ Điều 19 Điều lệ Tổng Công ty Sonadezi

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Thông qua định hướng phát triển Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty. 3. Đối với việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty có thể thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. 4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; b) Đối với quyết định về các vấn đề sau thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; - Tổ chức lại, giải thể Công ty;	**Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** ***Bổ sung và sửa đổi toàn bộ Điều 25 như sau:*** 1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Thông qua định hướng phát triển Công ty; b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty. 3. Đối với việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty có thể thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. 4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Đối với quyết định về các vấn đề sau thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; - Tổ chức lại, giải thể Công ty;	Căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 143 và căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
- Đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. 5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định. 6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận; thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 26 Điều lệ này. 7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. 8. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.	- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. b) Các vấn đề khác (ngoài nội dung quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này) thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; 5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. 6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định. 7. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận đối với những vấn đề nêu ở điểm b Khoản 4 Điều này. Các vấn đề khác là 51%. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 26 Điều lệ này. 8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. 9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.	
Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	**Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông** 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Căn cứ Khoản 2 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014
Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	**Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông** 3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Căn cứ Khoản 3 Điều 146 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 5. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không phải là cổ đông thì phải có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty. c) Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên đề cử; d) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và độc lập, có ý thức chấp hành luật pháp. 9. Thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.	**Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị** 5. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: ***Bổ sung Điểm e) như sau:*** e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty. và không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ. ***(Bỏ Khoản 9)***	Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp.
Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: e) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Luật doanh nghiệp; g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty. h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	**Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị** 2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây: e) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp; g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.	Căn cứ Điều 130 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
t) Quyết định việc chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.	*(Bỏ điểm t, Khoản 2)*	
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Giám đốc Công ty phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	**Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị** 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.	Căn cứ Điều 19 và Điều 149 Luật doanh nghiệp 2014
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 2. Các cuộc họp bất thường: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 02 (hai) tuần sau khi có đề xuất họp. 3. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. 6. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp sẽ không có quyền biểu quyết. 7. Nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 113 Luật doanh nghiệp.	**Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị** 2. Các cuộc họp bất thường: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. 3. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. 6. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ không có quyền biểu quyết. 7. Nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp.	Căn cứ Điều 153, Điều 154 Luật doanh nghiệp
Điều 35. Giám đốc 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	**Điều 35. Giám đốc** 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:	Căn cứ Điều 65 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; c) Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý của Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.	a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp; c) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.	
Điều 39. Ban kiểm soát 5. Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại Điều 125 Luật doanh nghiệp. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.	**Điều 39. Ban kiểm soát** 5. Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.	Căn cứ Điều 167 Luật doanh nghiệp
Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 119 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	**Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát** 1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.	Căn cứ Điều 160 Luật doanh nghiệp
Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc. 1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	**Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.** 1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm: b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.	**Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm: b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.	Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp
Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 118 của Luật này và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc. 2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	**Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận** 1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận: a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc. 2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.	Căn cứ Điều 162 và Khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 47. Chế độ báo cáo 3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.	**Điều 47. Chế độ báo cáo** 3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.	Căn cứ Khoản 4 Điều 170 Luật doanh nghiệp
Điều 48. Công khai thông tin về Công ty cổ phần 2. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả cổ đông. 3. Mọi tổ chức, cá nhân đều có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hằng năm của Công ty cổ phần tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.	**Điều 48. Công khai thông tin về Công ty cổ phần** 2. Báo cáo tài chính hằng năm và Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. 3. Các nội dung công khai thông tin khác thực hiện theo Điều 171 Luật doanh nghiệp.	Căn cứ Điều 171 Luật doanh nghiệp
Điều 54. Hệ thống báo cáo tài chính 1. Giám đốc Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Trong thời hạn tối đa 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải gởi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh. 3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo quý, sáu tháng và năm theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.	**Điều 54. Hệ thống báo cáo tài chính** 1. Giám đốc Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải gởi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và phải công bố thông tin kịp thời theo quy định. 3. Công ty phải lập và công bố thông tin các báo cáo quý, sáu tháng, chín tháng và năm theo quy định nộp cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế, ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho vay vốn, cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các cơ quan hữu quan theo quy định.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 55. Phân phối lợi nhuận 2. Phân chia cổ tức: b) Hội đồng quản trị quy định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) để khóa sổ danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phiếu được quyền nhận cổ tức. Ngày khóa sổ danh sách cổ đông trước 30 (ba mươi) ngày trả cổ tức. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gởi đến mỗi cổ đông chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. c) Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.	**Điều 55. Phân phối lợi nhuận** 2. Phân chia cổ tức: b) Hội đồng quản trị quy định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) để khóa sổ danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phiếu được quyền nhận cổ tức. Ngày chốt danh sách cổ đông chậm nhất 30 (ba mươi) trước ngày trả cổ tức. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. c) Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình sau thời điểm chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức thì người chuyển nhượng (người bán) là người nhận cổ tức từ Công ty theo số cổ phần đã chuyển nhượng đó.	Căn cứ Điều 132 Luật doanh nghiệp
Điều 57. Chấm dứt hoạt động Công ty chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: 1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ mà không có quyết định gia hạn. 2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 3. Công ty không còn đủ tối thiểu 03 (ba) cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 110 Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục. 4. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. 5. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành. 6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	**Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty** 1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau: a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; c. Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. 2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	3. Việc giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong trường hợp Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây: a. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Lý do giải thể; Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. b. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tổ chức thanh lý tài sản Công ty. c. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. d. Các khoản nợ và chi phí giải thể của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây: Các chi phí giải thể Công ty; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác.. Sau khi đã thanh toán hết chi phí giải thể và các khoản nợ của Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	đ. Giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty. e. Thực hiện các quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp do Chính phủ quy định. 4. Việc giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây: a. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp. Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ. b. Việc thanh toán các khoản nợ của Công ty được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này. c. Giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp. d. Cá nhân người quản lý Công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Điều 58. Thanh lý 1. Khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Tổ thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó có 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Tổ thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên Tổ Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Tổ thanh lý có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thanh lý tài sản và chấm dứt hoạt động của Công ty, báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về việc chấm dứt hoạt động của Công ty. a) Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo quy định của pháp luật. b) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ sẽ được phân chia cho các cổ đông.	**Điều 58. Thanh lý tài sản Công ty** 1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty. 2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính. 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự tại điểm d khoản 3 Điều 57 Điều lệ này.	
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua với ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông có mặt trực tiếp hoặc đại diện được ủy quyền.	**Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ** 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Căn cứ Điều 144 Luật doanh nghiệp
Điều 62. Điều khoản cuối cùng 2. Các bản trích lục hay các bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và đóng dấu Công ty mới có giá trị.	**Điều 62. Điều khoản cuối cùng** 2. Các bản trích lục hay các bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty và đóng dấu Công ty mới có giá trị.	

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI** --------- Số: /BB-HĐQT *"Dự thảo"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----o0o---- *Biên Hoà, ngày tháng năm 2016*

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

A- THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐẠI HỘI:

- Thời gian: vào lúc **……** giờ **……** phút, ngày **14** tháng **4** năm **2016** (Thứ Năm).

- Địa điểm: tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

B- THÀNH PHẦN THAM DỰ :

Ngay thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai:

- Tổng số cổ đông và đại diện nhóm cổ đông được mời: **……..** cổ đông

- Tham dự Đại hội có …… cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền tương đương **……..** cổ phần, chiếm tỷ lệ ……..% / Vốn điều lệ.

C. NỘI DUNG ĐẠI HỘI :

I/ Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

Đại hội đã nghe ông …… - Trưởng Ban thẩm ta tư cách cổ đông công bố Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2016, như sau:

- Tổng số cổ đông được mời tham dự: …….. cổ đông.

- Tổng số cổ phần của cổ đông được mời tham dự: 100.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Tham dự Đại hội có …… cổ đông và đại diện nhóm cổ đông có mặt và được ủy quyền tương đương **……** cổ phần, chiếm tỷ lệ ……% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đủ điều kiện để khai mạc và tiến hành theo quy định.

II/ Thủ tục tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

1/ Thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

2/ Chủ tọa Đại hội:

- Ông Vũ Văn Học - Chủ tịch HĐQT

3/ Chủ tọa Đại hội cử Ban Thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm :

1. Bà Nguyễn Thu Oanh
2. Ông Trịnh Bảo Ân

4/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí **……..%** (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội) thông qua tờ trình đề cử Ban kiểm phiếu gồm:

1. Ông Nguyễn Cao Hà - Trưởng ban.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Thành viên.
3. Ông Lý Thắng Cường - Thành viên.

Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ: Kiểm phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp để báo cho Ban Thư ký ghi vào Biên bản Đại hội.

4/ Đại hội đã thống nhất biểu quyết **……..**% thông qua chương trình Đại hội do Chủ tọa Đại hội trình bày.

III/ Nội dung chính của Đại hội:

1/ <u>Đại hội đã nghe các nội dung báo cáo như sau:</u>

1.1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015.

1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2015.

1.3. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015.

1.4. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.

1.5. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015.

1.6. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

1.7. Công bố Quyết định số 135/QĐ-PTKCN-HĐQT ngày 31/03/2016 của Tổng Công ty Phát triển KCN v/v cử nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

1.8. Thông qua Tờ trình việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

1.9. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.

1.10. Bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.

1.11. Báo cáo việc giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom và xin chủ trương niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh.

1.12. Thông qua Tờ trình đề xuất mức thù lao, tiền lương của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016.

1.13. Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.

1.14. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty.

2/ <u>Đại hội sau khi nghe các nội dung, cổ đông đã thảo luận và biểu quyết:</u>

2.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Quy chế làm việc của Đại hội (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **00** phiếu không tán thành, **00** phiếu không có ý kiến).

2.2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.3. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2015. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.4. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.6. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.7. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.8. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Tờ trình việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.9. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Ban

kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.10. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội danh sách được Đại hội giới thiệu bầu bổ sung vào Ban kiểm soát Công ty (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến), với danh sách như sau.

- Ban kiểm soát :

  - .....

2.11. Đại hội đã tiến hành bầu cử :

- Ban bầu cử và kiểm phiếu đã thực hiện công tác bầu cử, phổ biến kỹ cho các cổ đông về quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử; thể lệ và cách thức bầu cử.

- Đại hội đã tiến hành bầu cử theo đúng quy chế, thể lệ bầu cử.

* Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Ban Kiểm soát:

Theo kết quả kiểm phiếu: (Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu):

- Thành viên Ban kiểm soát đắc cử gồm:

  - .....

2.12 Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua chủ trương và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh (HOSE) (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.13. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua đề xuất mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.14. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

2.15. Đại hội đồng cổ đông thống nhất **.....**%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. (Gồm: **.....** phiếu tán thành, **……** phiếu không tán thành, **……..** phiếu không có ý kiến).

V- THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI :

Đại hội đồng cổ đông nhất trí **.....** % thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã kết thúc lúc **.....** giờ **.....** phút ngày **14/4/2016.**

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội. Chủ tọa Đại hội đã xin Đại hội biểu quyết. Đại hội đã nhất trí biểu quyết **.....%**/số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

- Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: **http://www.dowaco.vn**, *chương mục: Quan hệ cổ đông*.

BAN THƯ KÝ	**CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**
Nguyễn Thu Oanh	**Vũ Văn Học**

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI** ---------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----o0o----
Số: /NQ-HĐQT *"Dự Thảo"*	*Đồng Nai, ngày tháng năm 2016*

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã được thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông ngày 26/12/2014;

- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ngày 14 tháng 04 năm 2016.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bắt đầu lúc **…….** giờ **…….** ngày **14/4/2016** và kết thúc lúc **…….** giờ **…….** phút ngày **14/4/2016**.

Đến dự Đại hội có **……..** cổ đông, sở hữu **……** cổ phần, chiếm tỷ lệ **……**%/vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Sau khi nghe các báo cáo theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua nội dung, chương trình, quy chế làm việc và hình thức biểu quyết tại Đại hội - **…….**% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015 - **…….**% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

3. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty năm 2015 - **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

4. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015 - **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

5. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015 - **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu như sau:

STT	Nội dung	Tỷ lệ	Số tiền (đồng)
	Vốn điều lệ		**1.000.000.000.000**
	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :		69.538.291.607
	Lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		203.302.437
I	Lợi nhuận sử dụng để phân phối		**69.741.594.044**
II	Trích lập các quỹ		17.784.106.481
1	Quỹ đầu tư phát triển	15%	10.461.239.107
2	Quỹ khen thưởng - phúc lợi	10,5%	7.322.867.374
2.1	Quỹ khen thưởng CBCNV	5%	3.487.079.702
2.2	Quỹ phúc lợi CBCNV	4%	2.789.663.762
2.3	Quỹ khen thưởng ban điều hành	0,5%	348.707.970
2.4	Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng (*)	1%	697.415.940
3	Lợi nhuận còn lại sau trích lập quỹ		51.957.487.563
4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		
5	Chia cổ tức	5%	50.000.000.000
6	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển năm sau		1.957.487.563

(*) 50% mức trích Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng dùng để chi theo các chương trình chung của Tổng công ty.

6. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 - **…….**% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
7. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 - **…….**% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau :

Đơn vị tính: đồng

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	**Tổng vốn điều lệ**		**1.000.000.000.000**
2	**Tổng doanh thu**		**722.350.000.000**
3	**Lợi nhuận trước thuế**		**104.000.000.000**
4	**Tỷ suất lợi nhuận trước thuế /Vốn điều lệ**		**10,4%**
5	**Nộp thuế TNDN (20%)**		**19.000.000.000**
6	**Kế hoạch phân phối lợi nhuận**		
6.1	Lợi nhuận sau thuế		85.000.000.000
6.2	Trích quỹ:		21.675.000.000
a	Quỹ đầu tư phát triển	15%	12.750.000.000
b	Quỹ khen thưởng - phúc lợi	10,5%	8.925.000.000
	- Quỹ khen thưởng CB.CNV	*5%*	*4.250.000.000*

STT	Các chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
	- Quỹ phúc lợi CB.CNV	*4%*	*3.400.000.000*
	- Quỹ thưởng Ban Điều hành	*0,5%*	*425.000.000*
	- Quỹ phúc lợi xã hội – cộng đồng	*1%*	*850.000.000*
6.3	Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ		63.325.000.000
6.4	Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang		1.957.487.563
6.5	Lợi nhuận chia cổ tức		60.000.000.000
6.6	Tỷ lệ chia cổ tức		6%
6.7	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối chuyển sang năm sau		5.282.487.563

8. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.

   …….. - Thành viên Ban kiểm soát.

9. Thông qua chủ trương và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Tp.HCM (HOSE) - **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

10. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ về mức tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị Ban Kiểm soát năm 2016 – **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua. Trong đó:

    a/ Tiền lương của Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát: 960.000.000 đồng

    b/ Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát: 528.000.000 đồng

11. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 - **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

12. Thông qua Tờ trình ĐHĐCĐ việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai - **…….%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết này.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai thông qua với **…….%**/số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành từ ngày **14/4/2016**.

TM.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2016
CHỦ TỊCH HĐQT

Vũ Văn Học

Nơi nhận:
- Cô đông Công ty;
- UBCKNN;
- SGDCK Hà Nội;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.HĐQT;

VT Ân/2016

MÃ SỐ:

……

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông *(hoặc người được ủy quyền)*/ **Tên Công ty** *(cổ đông là tổ chức)*:

……..

Số CMND *(Giấy phép kinh doanh)*:……

Số lượng cổ phần sở hữu: ……

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền:……

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: ……..

(Quý Đại biểu đánh dấu (X) vào ô ý kiến lựa chọn theo từng nội dung biểu quyết)

Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2015.	☐	☐	☐
Nội dung 2: Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc năm 2015.	☐	☐	☐
Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên năm 2015.	☐	☐	☐
Nội dung 4: Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2015.	☐	☐	☐
Nội dung 5: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.	☐	☐	☐
Nội dung 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.	☐	☐	☐
Nội dung 7: Thông qua Tờ trình việc bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020.	☐	☐	☐
Nội dung 8: Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.	☐	☐	☐
Nội dung 9: Thông qua chủ trương và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp để niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán Tp.HCM (HOSE).	☐	☐	☐
Nội dung 10: Thông qua Tờ trình kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2016.	☐	☐	☐
Nội dung 11: Thông qua Tờ trình việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.	☐	☐	☐
Nội dung 12: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.	☐	☐	☐
Nội dung 13: Thông qua Biên bản và Nghị Quyết Đại hội.	☐	☐	☐

Hướng dẫn:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu X vào ô lựa chọn ([X])
- Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến thì khoanh tròn ô đã lựa chọn ((X)) và đánh X vào ô lựa chọn mới ([X])
- Trường hợp cổ đông chọn lại ô đã được khoanh tròn thì tô đen ô khoanh tròn ấy (●)
- Cổ đông chỉ được lựa chọn một phương án biểu quyết cho mỗi nội dung.

Ngày ….. tháng ….. năm 2016

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN XIN ỨNG CỬ

THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Tôi tên là: ....

CMND số: ....Ngày cấp: ....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:..... ....

Trình độ học vấn .... Chuyên ngành: ....

Hiện đang sở hữu/đại diện: .... cổ phần *(Bằng chữ:* ....

....*)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là *(đồng)*: ....

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ 2015-2020 trong kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty ngày 14/04/2016.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2016

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Dành cho cổ đông cá nhân hoặc tổ chức)

Kính gửi: **BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Tên tổ chức/cá nhân: .....

CMND/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Địa chỉ:.....

Hiện đang sở hữu/đại diện: ..... cổ phần *(Bằng chữ:*.....

.....*)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là *(đồng)*:.....

Đề nghị Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cho tôi được đề cử:

Ông (Bà): .....

CMND/ĐKKD số: ..... Ngày cấp: .....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần *(Bằng chữ:* .....*)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):.....

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ I năm 2015- 2020 được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 14/04/2016.

Trân trọng cảm ơn.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2016

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

- Chỉ có Cổ đông/Nhóm cổ đông đủ điều kiện theo quy định mới được đề cử.

- Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 12/04/2016 về địa chỉ: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai; Số 48 - Đường Cách mạng tháng 8 - Phường Quyết Thắng - TP Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3843316 Fax: (061) 3847149

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Dành cho nhóm cổ đông)

Kính gửi: BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2016 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Hôm nay, ngày....., tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần, chiếm .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách đính kèm cùng nhất trí đề cử:

Ông (Bà): ....

CMND số: ....Ngày cấp: .... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: ....

Trình độ học vấn: ....Chuyên ngành:..... .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần *(Bằng chữ:..... ....)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): ....

Làm ứng cử viên tham gia vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ I năm 2015 – 2020 được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 vào ngày 14/04/2016.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà): ....

CMND số: ....Ngày cấp: .... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: ....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần *(Bằng chữ:..... ....)*

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng): ....

làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2016

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Chỉ có Cổ đông/Nhóm cổ đông đủ điều kiện theo quy định mới được đề cử.

- Đơn đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức Đại hội trước 16h00 ngày 14/04/2016 về Địa chỉ: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai; Số 48 - Đường Cách mạng tháng 8 - Phường Quyết Thắng - TP Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (061) 3843316 Fax: (061) 3847149

DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ

Đề cử Ông/Bà:.....tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ 2015 - 2020

Đại diện nhóm cổ đông:.....

Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Ký tên
		Tổng cộng		

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hình
3cm x 4cm

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên : - Giới tính:
2. Ngày tháng năm sinh : - Nơi sinh
3. Quốc tịch : - Dân tộc:
4. Giấy CMND số : , ngày cấp: / / , nơi cấp:
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
6. Chỗ ở hiện tại :
7. Trình độ văn hoá :
8. Trình độ chuyên môn :
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	**Trường đào tạo**	**Chuyên ngành đào tạo**	**Khen thưởng**	**Kỷ luật**

10. Quá trình làm việc

Thời gian	**Nơi làm việc**	**Chức vụ đã trải qua**	**Khen thưởng**	**Kỷ luật**

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	**Chức vụ**	**Thời gian đảm nhiệm**

12. Danh sách người có liên quan của người khai *:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Đơn vị công tác (nếu có)	Quan hệ

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016
Xác nhận của chính quyền địa phương/ nơi công tác

Đồng Nai, ngày tháng năm 2016
Người khai

* Người có liên quan theo quy định tại điểm đ khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 ngày 26/11/2014

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Điều chỉnh lần thứ nhất)

Đồng Nai, tháng ……. - 2016

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ 4

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty. 5

Điều 3. Mục tiêu của Công ty 6

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Công ty 6

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh của Công ty 6

Điều 6. Địa bàn hoạt động của Công ty 7

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty 7

Điều 8. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty 7

Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG 7

Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7

Điều 10. Cổ phiếu 8

Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông 8

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần 9

Điều 13. Thu hồi cổ phần 9

Điều 14. Mua lại cổ phần 10

Điều 15. Quyền hạn của cổ đông 11

Điều 16. Nghĩa vụ các cổ đông 13

Điều 17. Các đại diện được ủy quyền 13

Chương III. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY 15

Điều 18. Cơ cấu tổ chức quản lý 15

Chương IV. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 15

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông 15

Điều 20. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 16

Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền dự họp 17

Điều 22. Triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại đồng cổ đông 18

Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 19

Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 21

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 22

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 24

Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông 25

Chương V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 25
Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị 25
Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 26
Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị 28
Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị 28
Điều 33. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 30
Chương VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH 30
Điều 34. Cơ cấu tổ chức điều hành 30
Điều 35. Giám đốc 30
Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc 31
Điều 37. Phó Giám đốc 32
Điều 38. Thư ký Công ty 33
Chương VII. BAN KIỂM SOÁT 33
Điều 39. Ban kiểm soát 33
Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát 35
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát 36
Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát 36
Chương VIII. QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY .37
Điều 43: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành biên Hội đồng quản trị, Giám đốc 37
Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan 38
Điều 45. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty 39
Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận 39
Chương IX. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ, CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, BÁO CÁO CỦA CÔNG TY 40
Điều 47. Chế độ báo cáo 40
Điều 48. Công khai thông tin về Công ty cổ phần 40
Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ 41
Điều 50. Chế độ lưu giữ tài liệu 41
Chương X. CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 41
Điều 51. Tài khoản ngân hàng 41
Điều 52. Năm tài chính 42
Điều 53. Hệ thống kế toán 42

Điều 54. Hệ thống báo cáo tài chính 42
Điều 55. Phân phối lợi nhuận 42
Chương XI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 43
Điều 56. Giải quyết các tranh chấp nội bộ 43
Chương XII. CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY 44
Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty 44
Điều 58. Thanh lý tài sản Công ty 45
Chương XIII. HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC 46
Điều 59. Con dấu 46
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 46
Điều 61. Hiệu lực thi hành 46
Điều 62. Điều khoản cuối cùng 46

TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KCN
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;

Điều lệ này của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty; các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Định nghĩa các thuật ngữ trong Điều lệ:

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014.

b) "Vốn điều lệ" là vốn do các cổ đông góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ Công ty.

c) "Cổ phần" là Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau được gọi là cổ phần.

d) "Cổ phần phổ thông" là một đơn vị của Vốn điều lệ, có mệnh giá tối thiểu là 10.000 đồng (mười ngàn đồng Việt Nam) và cho phép người nắm giữ có các quyền theo quy định của Điều lệ này.

đ) "Cổ phiếu" là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

e) "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần.

f) "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.

g) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

h) “Người quản lý” là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

i) “Những người liên quan" là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty, của cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối hoặc các trường hợp khác quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp.

k) “Công ty mẹ” là Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp.

l) “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này bất kỳ một tham chiếu nào tới một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế cho chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không làm ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty :

+ Tên tiếng Việt: **Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai**

+ Tên tiếng Anh: **Dong Nai Water Joint Stock Company.**

+ Tên viết tắt: **DOWACO**

2. Hình thức :

Công ty là một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với luật pháp Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

+ Địa chỉ: 48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

+ Điện thoại: 061 3 843 316. + Fax: 061 3 847149

+ Email: capnuocdongnai@dowaco.vn + Website: www.dowaco.vn

+ Nhãn hiệu (logo) của Công ty:

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện trên lãnh thổ Việt Nam để thực hiện các mục tiêu của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và quy định của luật pháp.

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Công ty

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Các cổ đông cùng góp vốn, cùng phân chia lợi nhuận, cùng chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ về tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn mà mình đã góp vào Công ty.

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước: - Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.	*3600 (Chính)*
2	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: - Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.	*2592*
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: - Kinh doanh khách sạn	*5510*
4	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: - Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.	*4663*
5	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: - Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; - Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Thiết kế công trình thoát nước; - Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước; - Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư; - Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp; - Lập hồ sơ mời thầu; Đánh giá hồ sơ dự thầu; Thẩm định thiết kế kỹ thuật; Quyết toán các dự án đầu tư; - Tư vấn quản lý dự án đầu tư; - Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán - tổng dự toán; - Thẩm định kết quả đấu thầu.	*7110*
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp. Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà. Cho thuê văn phòng. Kinh doanh bất động sản.	*6810*

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: - Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.	*1104*
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: - Xây dựng công trình công nghiệp.	*4290*
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: - Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.	*4322*
10	Xây dựng công trình công ích: - Xây dựng các công trình cấp thoát nước.	*4220*
11	Xây dựng nhà các loại: - Xây dựng công trình dân dụng.	*4100*
12	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: - Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100 mm.	*7120*
13	Điều hành tua du lịch	*7912*
14	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.	*7920*

Điều 6. Địa bàn hoạt động của Công ty

Địa bàn hoạt động của Công ty tại Việt Nam và ở nước ngoài theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Công ty

Công ty có các quyền và nghĩa vụ như quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Luật doanh nghiệp.

Điều 8. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quy định, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn và các Tổ chức chính trị - xã hội khác hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó.

3. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trên hoạt động theo đúng Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.

Chương II
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG

Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Tất cả các cổ phần được phát hành của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

2. Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là 1.000.000.000.000 VNĐ *(viết bằng chữ: Một ngàn tỷ đồng)* được chia thành 100.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.

3. Công ty chỉ có thể tăng Vốn điều lệ của mình khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đúng các quy định của pháp luật.

4. Sau khi Công ty đã đăng ký kinh doanh và bán cổ phần lần đầu, tất cả cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện tại của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà họ đang nắm giữ. Việc chào bán được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn để chấp nhận việc đặt mua. Các cổ phần nào không được cổ đông đặt mua theo thông báo chào bán đó sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị cho là phù hợp.

5. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình bằng bất kỳ cách nào theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp. Cổ phần được Công ty mua lại phải được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Tổng số cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài sở hữu dưới 10% vốn Điều lệ của Công ty.

Điều 10. Cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty phát hành là cổ phiếu ghi tên và cổ phiếu không ghi tên.

Điều 11. Chứng chỉ cổ phiếu, sổ đăng ký cổ đông

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ cổ phiếu nhất định. Cổ phiếu là Giấy chứng nhận xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành phải có đóng dấu của Công ty, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và phải đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điều 120 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

3. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và với điều kiện phải xuất trình đầy đủ giấy tờ chứng minh và thanh toán các chi phí liên quan cho Công ty.

Đề nghị của cổ đông phải cam đoan về các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải chắc chắn rằng đã tiến hành tìm kiếm nhưng không thể tìm thấy và nếu tìm lại được sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 10 (mười) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

4. Sau khi mua cổ phần và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, cổ đông sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ cổ phiếu.

5. Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông theo quy định tại Điều 121 Luật doanh nghiệp.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo mẫu của Công ty. Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên UPCOM, việc chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của Công ty. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

4. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty sau khi hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

5. Cổ đông chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần theo cam kết mua cổ phần của Công ty và các quy định đối với cổ đông chiến lược.

6. Cổ phần ưu đãi người lao động mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết. Trong thời gian cam kết thì số cổ phần này sẽ bị hạn chế quyền chuyển nhượng.

7. Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho Công ty toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm theo thời gian cam kết làm việc cho Công ty với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

Điều 13. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền mua số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với tiền lãi trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh. toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi (theo tỷ lệ không quá 15% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 14. Mua lại cổ phần

1. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phiếu phổ thông đã bán hoặc mua lại một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp. Việc mua lại cổ phần được Công ty thực hiện theo quy định tại Điều 130 Luật doanh nghiệp.

2. Cổ đông được quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp sau đây:

a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty;

b) Cổ đông biểu quyết phản đối việc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Việc cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình phải làm văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu, giá dự kiến bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Văn bản yêu cầu phải được gởi đến Công ty trong

thời hạn 30 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định về các vấn đề quy định tại khoản 2 điều này.

4. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông, Công ty phải thực hiện mua lại cổ phần của cổ đông theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận giữa cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại thực hiện theo quy định tại Điều 131 Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền hạn của Cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo số tiền mệnh giá của các cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Cổ đông Công ty có các quyền sau:

a) Được nhận cổ tức tương ứng với phần vốn góp theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

b) Nếu không có ràng buộc và cam kết khác thì cổ đông được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông của Công ty theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật; trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều 12 Điều lệ này;

c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông đang sở hữu;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần phổ thông được tham dự Đại hội đồng cổ đông và được thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g) Được xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

h) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ;

i) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 14 Điều lệ này;

k) Đối với cổ đông chiến lược của Công ty được sử dụng cổ phiếu để cầm cố, thế chấp trong các quan hệ tín dụng ở Việt Nam.

l) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên có thêm các quyền sau:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Bankiểm soát;

b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 4 điều này;

c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm và các báo cáo của Ban kiểm sóat.

d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 3 điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết

định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 16. Nghĩa vụ các cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Chấp hành các Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, uy tín, bí mật trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác do pháp luật quy định.

Điều 17. Các đại diện được ủy quyền

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

a. Cổ đông là tổ chức phải ủy quyền cho người đại diện là cá nhân theo quy định như sau:

- Cổ đông sở hữu đến dưới 10% tổng số cổ phần chỉ được ủy quyền 01 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.
- Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 06 người đại diện.

- Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện.

b. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

c. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và số lượng cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;

d. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

- Cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Công ty.

2. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa cử người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

b. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Chương III
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 18. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Giám đốc ;
4. Ban kiểm soát.

Chương IV
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 19. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Các cổ đông có đủ điều kiện quy định tại mục d, khoản 2, điều 15 có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Bankiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, trừ trường hợp điều chỉnh Vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ này.

g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Xem xét việc Công ty ký kết hợp đồng với những người theo quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

m) Lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.

n) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Các trường hợp cổ đông không được quyền biểu quyết:

a) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua các hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

b) Cổ đông không được biểu quyết để thông qua việc mua cổ phần của chính mình hoặc người có liên quan.

4. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 20. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn (120 ngày) bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính; theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

b) Đại hội đồng cổ đông thường niên được triệu tập theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Đại hội đồng cổ đông bất thường

Đại hội đồng cổ đông bất thường do Hội đồng quản trị triệu tập họp trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều 15 Điều lệ này;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c, điểm d và theo quy định tại điểm b khoản 2 điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm sóat thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

6. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

7. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 của Điều này sẽ do Công ty trả. Những phí tổn này không bao gồm những chi phí do các cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 01 (một) cổ phần phổ thông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty và được lập không sớm hơn 15 ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người bán cổ phần có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông đối với số cổ phần đã chuyển nhượng;

c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Triệu tập, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Lập danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại Đại hội; chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu cuộc họp theo quy định của Công ty và các quy định của pháp luật và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Xác định thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp. Việc thông báo mời họp thực hiện theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.

2. Thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình Đại hội và các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền kiến nghị về các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

4. Cấp triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục 6 tháng;

d) Đề xuất không có những thông tin rõ ràng.

5. Cấp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ

trường hợp quy định tại khỏan 4 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

7. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

9. Việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 8 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 23. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được tiến hành khi có đủ số cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại lần 2 trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ nhất.

Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Nếu Đại hội lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định trên kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội thì Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai.

Đại hội đồng cổ đông lần ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện được uỷ quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp; các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 Luật doanh nghiệp.

Điều 24. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Việc họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp.

Cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết khi làm thủ tục đăng ký cổ đông sẽ được cấp: tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu biểu quyết và thẻ biểu quyết trên đó có ghi tên, mã số cổ đông và số cổ phần được quyền biểu quyết tương ứng của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được thực hiện bằng thẻ biểu quyết.

2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được quyền đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để các cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

3. Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

5. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

6. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Hoặc cổ đông có thể giơ thẻ biểu quyết và điền vào ô tương ứng trong phiếu biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 25. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

3. Đối với việc sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty có thể thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đối với quyết định về các vấn đề sau thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

b) Các vấn đề khác (ngoài nội dung quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này) thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

6. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

7. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận đối với những vấn đề nêu ở điểm a Khoản 4 Điều này. Các vấn đề khác là 51%. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Điều 26 Điều lệ này.

8. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua. Việc gửi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

9. Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông kể cả cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 26. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các quyết định đã được thông qua;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các quyết định đã được thông qua;

k) Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 28. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Chương V
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị gồm có 07 (bảy) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được bầu cử theo thể thức bỏ phiếu kín. Thành viên Hội đồng quản trị là 07 (bảy) ứng viên có số phiếu bầu cao nhất trong số các ứng cử viên Hội đồng quản trị tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

4. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bổ

nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b) Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người không phải là cổ đông thì phải có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Được cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên đề cử;

d) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, khách quan và độc lập, có ý thức chấp hành luật pháp.

e) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty và không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 04 ứng viên; nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được quyền đề cử 05 ứng viên; nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được quyền đề cử 06 ứng viên và nắm giữ từ 70% trở lên được quyền đề cử 07 ứng viên.

7. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền gộp số cổ phần, có quyền biểu quyết của cổ đông lại với nhau để đề cử ứng viên vào Hội đồng quản trị.

8. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

d) Thành viên đó bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi cuả Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

e) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật doanh nghiệp;

g) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc, quyết định mức lương, thời hạn tuyển dụng và lợi ích khác của Giám đốc.

k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Kế toán trưởng và các Phó Giám đốc, quyết định mức lương và lợi ích khác của Kế toán trưởng, các Phó Giám đốc trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

l) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

n) Trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi vàng;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

r) Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc phá sản Công ty;

s) Đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra 01 (một) Chủ tịch bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Có trách nhiệm đảm bảo việc hoàn thành báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do gì thì trong vòng 10 (mười) ngày làm việc Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 32. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, cụ thể như sau:

1. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Thời gian và địa điểm họp phải được thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ít nhất là 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp thường kỳ vào bất kỳ thời điểm nào nếu xét thấy cần thiết nhưng ít nhất mỗi quý họp một lần.

2. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không có bất kỳ sự trì hoãn nào nếu không có lý do chính đáng khi một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

a) Trưởng Ban kiểm soát hoặc đa số thành viên Ban kiểm soát.

b) Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Tối thiểu 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp.

3. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ loại hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp sẽ không có quyền biểu quyết.

7. Biên bản cuộc họp phải được thông qua tại cuộc họp; do Chủ tịch Hội đồng quản trị ký tên và gởi cho các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.

Nội dung của biên bản thực hiện theo quy định tại Điều 154 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Chương VI
CƠ CẤU TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Cơ cấu tổ chức điều hành

1. Bộ máy điều hành của Công ty gồm có:

+ Giám đốc và các Phó Giám đốc.

+ Kế toán trưởng.

+ Các Trưởng phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ, đội, chi nhánh trực thuộc.

+ Trưởng các chi nhánh trực thuộc (nếu có).

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Công ty do Giám đốc Công ty quyết định ban hành.

Điều 35. Giám đốc

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng

ngày của Công ty; sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc (một người trong số thành viên Hội đồng quản trị) do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê; Hội đồng quản trị quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng bao gồm cả thời hạn tuyển dụng với ít nhất 3/5 (ba phần năm) thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Giám đốc trong trường hợp Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị).

4. Giám đốc Công ty có thể ủy quyền cho các Phó Giám đốc thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền của mình. Người được Giám đốc ủy nhiệm, ủy quyền phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm và không được ủy nhiệm, ủy quyền lại cho người khác.

5. Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc.

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b) Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% Vốn điều lệ của Công ty hoặc người khác (không phải là thành viên HĐQT) thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

c) Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Điều 36. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau :

1. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và các vấn đề không thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những quyết định của Hội đồng quản trị nếu quyết định này trái với pháp luật, trái với Điều lệ Công ty và trái với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc từ chối này phải được làm văn bản gửi cho Hội đồng quản trị;

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

6. Đề xuất Hội đồng quản trị về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Giám đốc, kế toán trưởng; đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt về mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của Phó Giám đốc, kế toán trưởng.

7. Tuyển dụng lao động; chấm dứt hợp đồng lao động; quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc theo quy chế do Hội đồng quản trị phê duyệt và phù hợp với các quy định của pháp luật.

8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

9. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị như sau:

a) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hành động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

b) Xây dựng và đệ trình Hội đồng quản trị quy chế định giá bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản của Công ty, các chính sách đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.

c) Trình Hội đồng quản trị kế hoạch đầu tư và các dự án hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý.

d) Xây dựng và quyết định ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty.

đ) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty.

e) Thực hiện phân công và ủy nhiệm Phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

g) Thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự mà Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát yêu cầu.

h) Cuối năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch tài chính của Công ty.

i) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty cho Hội đồng quản trị.

k) Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.

l) Được đưa ra những quyết định vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố,... và phải chịu trách

nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.

m) Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, và quy định của pháp luật.

10. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 37. Phó Giám đốc

1. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc. Phó Giám đốc được Giám đốc phân công và ủy nhiệm hoặc ủy quyền điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và pháp luật về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm. Phó Giám đốc có thể kiêm nhiệm phụ trách các bộ phận hoặc đơn vị trực thuộc.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác của Phó Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc.

Điều 38. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định 01 (một) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký Công ty tuỳ từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

3. Tham dự các cuộc họp.

4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.

5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Chương VII
BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là tổ chức do Đại hội đồng cổ đông bầu, thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Giám đốc.

Ban kiểm soát gồm có 03 (ba) thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất 01 (một) thành viên có trình độ đại học chuyên ngành tài chính, kế toán hoặc kiểm toán do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trong nhiệm kỳ của Ban kiểm soát nếu có khiếm khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

2. Ban kiểm soát bầu ra một thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm và được tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ tiếp theo được bầu và nhận nhiệm vụ.

4. Ban kiểm soát họp ít nhất là 06 (sáu) tháng 1 lần và số lượng thành viên tối thiểu có trong các cuộc họp là 02 (hai) thành viên.

5. Tiền lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách và thù lao của các thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát và khi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Từ 21 tuổi trở lên, có trình độ học vấn từ đại học trở lên ưu tiên có trình độ chuyên môn về tài chính, kế toán, kiểm toán; phẩm chất đạo đức tốt, liêm khiết, trung thực, có ý thức chấp hành pháp luật; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Ban kiểm soát; nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử 02 ứng viên; nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử 03 ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử 04 ứng viên; nắm giữ từ 50% trở lên được quyền đề cử 05 ứng viên.

9. Những người sau đây không được làm thành viên Ban kiểm soát:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án tước quyền hành nghề vì phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo quy định của pháp luật.

10. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 6 Điều này;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức;

Ngòai ra, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

11. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 40. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này;

đ) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

e) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

g) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

h) Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

i) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty;

k) Không được tiết lộ bí mật của Công ty.

l) Được quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty.

m) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Nhiệm vụ quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát :

a) Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 42. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Chương VIII
QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 43. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chuyên trách, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

b) Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên;

c) Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

d) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

e) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 44. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà

những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 45. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 46. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương IX

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, BÁO CÁO CỦA CÔNG TY

Điều 47. Chế độ báo cáo

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

Điều 48. Công khai thông tin về Công ty cổ phần

1. Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo tài chính hằng năm và Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

3. Các nội dung công khai thông tin khác thực hiện theo Điều 171 Luật doanh nghiệp.

Điều 49. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền trực tiếp gửi một văn bản yêu cầu xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền kiểm tra số cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những danh sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Điều 50. Chế độ lưu giữ tài liệu

1. Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

c) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

d) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định đã được thông qua;

đ) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (trường hợp Công ty cổ phần đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán);

e) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;

g) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

h) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này ở trụ sở chính hoặc nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương X
CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

Công ty mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc tại các Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 (dương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 (dương lịch) cùng năm.

Điều 53. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS).

2. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 54. Hệ thống báo cáo tài chính

1. Giám đốc Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải gởi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan đăng ký kinh doanh và phải công bố thông tin kịp thời theo quy định.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính và các báo cáo khác.

3. Công ty phải lập và công bố thông tin: các báo cáo quý, sáu tháng, chín tháng và năm theo quy định, nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế, ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng cho vay vốn, cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc các cơ quan hữu quan theo quy định.

Điều 55. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

2. Phân chia cổ tức:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty.

b) Hội đồng quản trị quy định ngày cụ thể (ngày khóa sổ) để khóa sổ danh sách cổ đông của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các cổ phiếu được quyền nhận cổ tức. Ngày chốt danh sách cổ đông chậm nhất 30 (ba mươi) trước ngày trả cổ tức. Công ty phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

c) Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình sau thời điểm chốt danh sách cổ đông để trả cổ tức thì người chuyển nhượng (người bán) là người nhận cổ tức từ Công ty theo số cổ phần đã chuyển nhượng đó.

d) Hội đồng quản trị có thể tạm thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

đ) Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới cổ phiếu nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải trả bằng tiền đồng Việt Nam tại trụ sở chính của Công ty hoặc bằng lệnh chuyển tiền đến tài khoản của cổ đông tại ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về tài khoản của cổ đông đó. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào đã được Công ty chuyển mà cổ đông đó không nhận được. Sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại thị trường chứng khoán, việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán.

e) Cổ tức có thể được trả bằng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm thay cho cổ tức tiền mặt nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Những cổ phần bổ sung này là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua và giá trị của các cổ phiếu phổ thông bổ sung dùng để trả cổ tức phải tương đương với cổ tức tiền mặt theo sự tính toán sát thực nhất.

Chương XI
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến công việc của Công ty, các quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do luật pháp quy định, giữa một cổ đông hay các cổ đông với Công ty, giữa một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay các bộ quản lý cao cấp thì các bên liên quan sẽ tiến hành giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng, hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp có liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực

tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là Trọng tài trong quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Biên bản hoà giải thành của các bên và Quyết định công nhận biên bản hoà giải thành của Trọng tài đối với các bên liên quan có giá trị bắt buộc thực hiện đối với các bên.

Trường hợp nếu không có Quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 tuần, kể từ ngày bắt đầu tiến hành quá trình hoà giải; hoặc nếu Quyết định của Trung gian hoà giải không được các bên chấp thuận thì bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp ra Toà án. Quyết định của Toà án là Quyết định cuối cùng, các bên có trách nhiệm thi hành Quyết định.

3. Chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng, hoà giải, nếu không có thoả thuận khác giữa các bên, thì mỗi bên sẽ tự chịu phần chi phí của mình.

Đối với các chi phí của Toà án sẽ do Toà án quyết định bên nào sẽ chịu.

Chương XII
CÁC TRƯỜNG HỢP GIẢI THỂ, TRÌNH TỰ GIẢI THỂ VÀ THỦ TỤC THANH LÝ TÀI SẢN CÔNG TY

Điều 57. Các trường hợp và điều kiện giải thể Công ty. Trình tự, thủ tục giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

c. Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và Công ty cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty.

3. Việc giải thể Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc trong trường hợp Công ty không còn đủ số lượng 03 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thông qua quyết định giải thể Công ty. Quyết định giải thể Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Lý do giải thể; Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của Công ty; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể; Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động; Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

b. Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý tổ chức thanh lý tài sản Công ty.

c. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong Công ty, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

d. Các khoản nợ và chi phí giải thể của Công ty được thanh toán theo thứ tự sau đây: Các chi phí giải thể Công ty; Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết; Nợ thuế; Các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác..

Sau khi đã thanh toán hết chi phí giải thể và các khoản nợ của Công ty, phần còn lại chia cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần.

đ. Giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của Công ty.

e. Thực hiện các quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp do Chính phủ quy định.

4. Việc giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:

a. Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, Công ty phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp Công ty còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

b. Việc thanh toán các khoản nợ của Công ty được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này.

c. Giám đốc gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.

d. Cá nhân người quản lý Công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.

Điều 58. Thanh lý tài sản Công ty

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự tại điểm d khoản 3 Điều 57 Điều lệ này.

Chương XIII
HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 59. Con dấu

1. Con dấu của Công ty, các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc được cơ quan có thẩm quyền khắc theo mẫu quy định thống nhất, được đăng ký sử dụng và quản lý con dấu theo đúng yêu cầu của pháp luật.

2. Tất cả các văn bản của Công ty khi phát hành chính thức phải đóng dấu Công ty trên các chữ ký của một trong các chức danh sau: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc các viên chức quản lý Công ty được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng con dấu.

3. Con dấu của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc được sử dụng trên các chữ ký của Giám đốc, Phó Giám đốc Chi nhánh hoặc đơn vị trực thuộc.

4. Hội đồng quản trị giao Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định pháp luật.

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được lập dưới hình thức một Dự thảo để Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Những Điều không được quy định trong Điều lệ này sẽ thực hiện theo các quy định và pháp luật hiện hành của Việt Nam.

Điều 61. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này sẽ có hiệu lực kể từ ngày Điều lệ được đăng ký với Phòng đăng ký kinh doanh liên quan sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Điều lệ này chi phối toàn bộ mọi hoạt động của Công ty và mọi thành viên của Công ty có nghĩa vụ thi hành.

3. Nếu trong Điều lệ này có những điều khoản vô hiệu thì những điều khoản khác vẫn có hiệu lực.

Điều 62. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này gồm 13 Chương, 62 Điều, đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhất trí thông qua và biểu quyết chấp nhận toàn văn của Điều lệ này vào ngày 14 tháng 4 năm 2016 tại Văn phòng Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau. Trong đó:

- 01 bản gởi Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.
- 05 bản lưu tại văn phòng Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
- 04 bản gởi cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các bản trích lục hay các bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

3. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Điều lệ này./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
GIÁM ĐỐC

Phan Hùng